

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Ngô Tuấn Anh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH HÀ TIẾN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Ngô Tuấn Anh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Ngô Tuấn Anh

Mã sinh viên: 1412401320

Lớp: QT1806K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiến

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.
 - Phân tích thực trạng công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiến
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiến
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiến, sử dụng số liệu năm 2018.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty TNHH Hà Tiến

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiến

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Ngô Tuấn Anh
Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

LỜI MỞ ĐẦU

Báo cáo tình hình tài chính là tài liệu chủ yếu dùng để phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp vì nó phản ánh một cách tổng hợp nhất công nợ, nguồn vốn, tài sản, các chỉ tiêu về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó công tác, lập và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua Báo cáo tình hình tài chính là vô cùng cần thiết với các doanh nghiệp đặc biệt là trong điều kiện hội nhập hiện nay.

Lập Báo cáo tình hình tài chính và phân tích tình hình tài chính thông qua Báo cáo tình hình tài chính sẽ giúp cho các doanh nghiệp và các cơ quan khác thấy rõ thực trạng hoạt động tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp cũng như xác định được một cách đầy đủ, đúng đắn nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, rủi ro và triển vọng phát triển trong tương lai của doanh nghiệp để họ có thể đưa ra các giải pháp hữu hiệu, những quyết định chính xác nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý kinh tế, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thấy được vị trí và tầm quan trọng đó, trong thời gian tìm hiểu thực tế ở Công ty TNHH Hà Tiến, dưới sự hướng dẫn của tập thể nhân viên phòng Tài chính - Kế toán tại Công ty TNHH Hà Tiến và đặc biệt là sự hướng dẫn của Thạc sĩ Nguyễn Văn Thu, em đã mạnh dạn đi sâu vào nghiên cứu đề tài: ***"Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiến"***.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung bài viết được chia thành 3 chương như sau :

Chương I: Một số vấn đề lý luận về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương II: Thực trạng công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiến.

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân

tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiến.

Bài khoá luận của em được hoàn thành là nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình, tạo điều kiện của ban lãnh đạo các cô, bác ở trong Công ty, đặc biệt là sự chỉ bảo tận tình của thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ. Tuy nhiên, do còn hạn chế nhất định về trình độ và thời gian nên bài viết của em sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải phòng, ngày 28 tháng 9 năm 2019

Sinh viên

Ngô Tuấn Anh

CHƯƠNG I:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1. Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.1.1. Khái niệm, mục đích và vai trò của Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

❖ Khái niệm Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Báo cáo tài chính là những báo cáo kế toán tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu, công nợ cũng như doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và các thông tin tổng quát khác về doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Báo cáo tài chính hiện hành bao gồm :

+ Báo cáo tình hình tài chính là một Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình tài sản của doanh nghiệp thông qua thước đo tiền tệ, tại một thời điểm nhất định theo giá trị và nguồn hình thành tài sản.

+ Báo cáo kết quả kinh doanh là một báo cáo kế toán tài chính phản ánh tóm lược các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong thời kỳ nhất định. Ngoài ra báo cáo kết quả kinh doanh còn kết hợp phản ánh tình hình thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí.

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh khái quát dòng chảy tiền tệ của doanh nghiệp, cho biết tiền tệ sinh ra bằng cách nào và được sử dụng ra sao.

+ Thuyết minh Báo cáo tài chính là một Báo cáo tài chính tổng hợp nhằm giải thích bằng lời, bằng số liệu một số chỉ tiêu đã được phản ánh trên Báo cáo tài chính khác.

❖ Mục đích của Báo cáo tài chính

+ Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính,

tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:

- Tài sản;
- Nợ phải trả;
- Vốn chủ sở hữu;
- Doanh thu, thu nhập khác, chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí khác;
- Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh.

+ Ngoài các thông tin này, doanh nghiệp còn phải cung cấp các thông tin khác trong “Bản thuyết minh Báo cáo tài chính” nhằm giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên các Báo cáo tài chính và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày Báo cáo tài chính.

1.1.2. Đối tượng áp dụng, trách nhiệm lập và chữ ký trên báo cáo tài chính

+ Đối tượng lập Báo cáo tài chính năm:

Hệ thống Báo cáo tài chính năm được áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực và mọi thành phần kinh tế. Riêng các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn tuân thủ các quy định chung và những quy định, hướng dẫn cụ thể phù hợp với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại chế độ kế toán của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ Việc ký Báo cáo tài chính phải thực hiện theo quy định của Luật Kế toán. Trường hợp doanh nghiệp không tự lập Báo cáo tài chính mà thuê đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán lập Báo cáo tài chính, người hành nghề thuộc các đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán phải ký và ghi rõ số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán trên báo cáo tài chính của đơn vị.

1.1.3. Hệ thống Báo cáo tài chính ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính.

+ Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:

- Báo cáo bắt buộc:

Báo cáo tình hình tài chính	Mẫu số B01a - DNN
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mẫu số B02 - DNN
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	Mẫu số B09 - DNN

Tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp có thể lựa chọn lập Báo cáo tình hình tài chính theo Mẫu số B01b - DNN thay cho Mẫu số B01a - DNN.

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số F01 - DNN).

- Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mẫu số B03 - DNN
----------------------------	------------------

+ Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:

- Báo cáo bắt buộc:

Báo cáo tình hình tài chính	Mẫu số B01 - DNNKLT
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mẫu số B02 - DNN
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	Mẫu số B09 - DNNKLT

- Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mẫu số B03 - DNN
----------------------------	------------------

+ Hệ thống báo cáo tài chính năm bắt buộc áp dụng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm:

Báo cáo tình hình tài chính	Mẫu số B01 - DNSN
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mẫu số B02 - DNSN
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	Mẫu số B09 - DNSN

Khi lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải tuân thủ biểu mẫu báo cáo tài chính theo quy định. Trong quá trình áp dụng, nếu thấy cần thiết, các doanh nghiệp có thể sửa đổi, bổ sung báo cáo tài chính cho phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp nhưng phải

được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể lập thêm các báo cáo khác để phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

+ Nội dung, phương pháp lập và trình bày các chỉ tiêu trong từng báo cáo được áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.1.4. Yêu cầu đối với thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính

+ Thông tin trình bày trên báo cáo tài chính phải đầy đủ, khách quan, không có sai sót để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thông tin được coi là đầy đủ khi bao gồm tất cả các thông tin cần thiết để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu được bản chất, hình thức và rủi ro của các giao dịch và sự kiện. Đối với một số khoản mục, việc trình bày đầy đủ còn phải mô tả thêm các thông tin về chất lượng, các yếu tố và tình huống có thể ảnh hưởng tới chất lượng và bản chất của khoản mục.

- Trình bày khách quan là không thiên vị khi lựa chọn hoặc mô tả các thông tin tài chính. Trình bày khách quan phải đảm bảo tính trung lập, không chú trọng, nhấn mạnh hoặc giảm nhẹ cũng như có các thao tác khác làm thay đổi mức độ ảnh hưởng của thông tin tài chính là có lợi hoặc không có lợi cho người sử dụng Báo cáo tài chính.

- Không sai sót có nghĩa là không có sự bỏ sót trong việc mô tả hiện tượng và không có sai sót trong quá trình cung cấp các thông tin báo cáo được lựa chọn và áp dụng. Không sai sót không có nghĩa là hoàn toàn chính xác trong tất cả các khía cạnh, ví dụ, việc ước tính các loại giá cả và giá trị không quan sát được khó xác định là chính xác hay không chính xác. Việc trình bày một ước tính được coi là trung thực nếu giá trị ước tính được mô tả rõ ràng, bản chất và các hạn chế của quá trình ước tính được giải thích và không có sai sót trong việc lựa chọn số liệu phù hợp trong quá trình ước tính.

+ Thông tin tài chính phải thích hợp để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính dự đoán, phân tích và đưa ra các quyết định kinh tế.

+ Thông tin tài chính phải được trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh

trọng yếu. Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thông tin thiếu chính xác có thể làm ảnh hưởng tới quyết định của người sử dụng thông tin tài chính của đơn vị báo cáo. Tính trọng yếu dựa vào bản chất và độ lớn, hoặc cả hai, của các khoản mục có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính của một đơn vị cụ thể.

+ Thông tin tài chính phải đảm bảo có thể kiểm chứng, kịp thời và dễ hiểu.

+ Thông tin tài chính phải được trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các kỳ kế toán; So sánh được giữa các doanh nghiệp nhỏ và vừa với nhau.

+ Các chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày trên Báo cáo tài chính. Doanh nghiệp được chủ động đánh lại số thứ tự của các chỉ tiêu theo nguyên tắc liên tục trong mỗi phần.

1.1.5. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục

+ Báo cáo tài chính phải phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện hơn là hình thức pháp lý của các giao dịch và sự kiện đó (tôn trọng bản chất hơn hình thức).

+ Tài sản không được ghi nhận cao hơn giá trị có thể thu hồi; Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

+ Phân loại tài sản và nợ phải trả: Tài sản và nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần hoặc trình bày thành ngắn hạn và dài hạn. Riêng Báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp siêu nhỏ được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần.

+ Trường hợp Báo cáo tình hình tài chính trình bày thành ngắn hạn và dài hạn:

Trên Báo cáo tình hình tài chính, các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả phải được trình bày riêng biệt thành ngắn hạn và dài hạn, tùy theo thời hạn của chu kỳ kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh thông thường trong vòng

12 tháng, thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo nguyên tắc sau:

Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tính kể từ thời điểm báo cáo được xếp vào loại ngắn hạn;

Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo được xếp vào loại dài hạn.

- Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh thông thường dài hơn 12 tháng thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện sau:

Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng một chu kỳ kinh doanh bình thường được xếp vào loại ngắn hạn;

Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong thời gian dài hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường được xếp vào loại dài hạn.

Trường hợp này, doanh nghiệp phải thuyết minh rõ đặc điểm xác định chu kỳ kinh doanh thông thường, thời gian bình quân của chu kỳ kinh doanh thông thường, các bằng chứng về chu kỳ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp hoạt động.

- Đối với các doanh nghiệp do tính chất hoạt động không thể dựa vào chu kỳ kinh doanh để phân biệt giữa ngắn hạn và dài hạn, thì các Tài sản và Nợ phải trả được trình bày như điểm a mục này.

+ Tài sản và nợ phải trả phải được trình bày riêng biệt. Chỉ thực hiện bù trừ khi tài sản và nợ phải trả liên quan đến cùng một đối tượng, phát sinh từ các giao dịch và sự kiện cùng loại.

+ Các khoản mục doanh thu, thu nhập, chi phí phải được trình bày theo nguyên tắc phù hợp và đảm bảo nguyên tắc thận trọng. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh các khoản mục doanh thu, thu nhập, chi phí và luồng tiền của kỳ báo cáo. Các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí của các kỳ trước có sai sót làm ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền phải được điều chỉnh hồi tố bằng cách báo cáo lại trên cột thông tin so sánh, không điều chỉnh vào kỳ báo cáo.

Riêng doanh nghiệp siêu nhỏ được điều chỉnh sai sót của các kỳ trước vào kỳ phát hiện sai sót.

1.1.6. Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục

+ Khi lập và trình bày Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xem xét giả định về sự hoạt động liên tục. Doanh nghiệp bị coi là không hoạt động liên tục nếu hết thời hạn hoạt động mà không có hồ sơ xin gia hạn hoạt động, bị giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động (phải có văn bản cụ thể gửi cơ quan có thẩm quyền) trong vòng không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với doanh nghiệp có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường hơn 12 tháng thì không quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

+ Trong một số trường hợp sau doanh nghiệp vẫn được coi là hoạt động liên tục:

- Việc thay đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, thay đổi loại hình doanh nghiệp, ví dụ chuyển một công ty TNHH thành công ty cổ phần hoặc ngược lại;

- Việc chuyển một đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập thành một đơn vị không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc hoặc ngược lại (ví dụ chuyển một công ty con thành một chi nhánh hoặc ngược lại) vẫn được coi là hoạt động liên tục.

+ Khi không đáp ứng giả định hoạt động liên tục, doanh nghiệp vẫn phải trình bày đủ các Báo cáo tài chính và ghi rõ là:

- Báo cáo tình hình tài chính áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục và được trình bày theo Mẫu B01 - DNNKLT;

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày theo mẫu B02 - DNN và B03 - DNN đáp ứng giả định hoạt động liên tục;

- Thuyết minh Báo cáo tài chính áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục và được trình bày theo Mẫu B09 - DNNKLT.

+ Trường hợp giả định về sự hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm báo cáo, doanh nghiệp không phải phân loại tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn và dài hạn mà trình bày theo tính thanh khoản giảm dần.

+ Trường hợp giả định về sự hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm báo cáo, doanh nghiệp phải đánh giá lại toàn bộ tài sản và nợ phải trả trừ trường hợp có một bên thứ ba kế thừa quyền đối với tài sản hoặc nghĩa vụ đối với nợ phải trả theo giá trị sổ sách. Doanh nghiệp phải ghi nhận vào sổ kế toán theo giá đánh giá lại trước khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

- Doanh nghiệp không phải đánh giá lại tài sản, nợ phải trả nếu bên thứ ba kế thừa quyền đối với tài sản hoặc nghĩa vụ đối với nợ phải trả trong một số trường hợp cụ thể như sau:

Trường hợp một đơn vị sáp nhập vào đơn vị khác, nếu đơn vị nhận sáp nhập cam kết kế thừa mọi quyền và nghĩa vụ của đơn vị bị sáp nhập theo giá trị sổ sách;

Trường hợp một đơn vị chia thành các đơn vị khác, nếu đơn vị sau khi chia cam kết kế thừa mọi quyền và nghĩa vụ của đơn vị bị chia theo giá trị sổ sách;

Từng khoản mục tài sản cụ thể được một bên khác cam kết, bảo lãnh thu hồi cho đơn vị bị giải thể theo giá trị sổ sách và việc thu hồi diễn ra trước thời điểm đơn vị chính thức ngừng hoạt động;

Từng khoản mục nợ phải trả cụ thể được một bên thứ ba cam kết, bảo lãnh thanh toán cho đơn vị bị giải thể và đơn vị bị giải thể chỉ có nghĩa vụ thanh toán lại cho bên thứ ba đó theo giá trị sổ sách;

- Việc đánh giá lại được thực hiện đối với từng loại tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc:

- Đối với tài sản:

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm báo cáo;

TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, bất động sản đầu tư được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá trị còn lại và giá trị có thể thu hồi tại thời điểm báo cáo

(là giá thanh lý trừ các chi phí thanh lý ước tính). Đối với TSCĐ thuê tài chính nếu có điều khoản bắt buộc phải mua lại thì đánh giá lại tương tự như TSCĐ của doanh nghiệp, nếu được trả lại cho bên cho thuê thì đánh giá lại theo số nợ thuê tài chính còn phải trả cho bên cho thuê;

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá trị ghi sổ và giá trị có thể thu hồi tại thời điểm báo cáo (là giá thanh lý trừ chi phí thanh lý ước tính);

Chứng khoán kinh doanh được đánh giá theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán trên sàn UPCOM được xác định là giá đóng cửa của phiên giao dịch tại ngày báo cáo (hoặc phiên trước liền kề nếu thị trường không giao dịch vào ngày báo cáo);

Các khoản đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị ghi sổ và giá trị có thể thu hồi tại thời điểm báo cáo (giá có thể bán trừ chi phí bán ước tính);

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

- Đối với nợ phải trả: Trường hợp có sự thỏa thuận giữa các bên bằng văn bản về số phải trả thì đánh giá lại theo số thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận cụ thể thực hiện như sau:

Nợ phải trả bằng tiền được đánh giá lại theo giá cao hơn giữa giá trị ghi sổ khoản nợ phải trả và giá trị khoản nợ trả trước thời hạn theo quy định của hợp đồng;

Nợ phải trả bằng tài sản tài chính được đánh giá lại theo giá cao hơn giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ phải trả và giá trị hợp lý của tài sản tài chính đó tại thời điểm báo cáo;

Nợ phải trả bằng hàng tồn kho được đánh giá lại theo giá cao hơn giữa giá trị ghi sổ khoản nợ phải trả và giá mua (cộng các chi phí liên quan trực tiếp) hoặc giá thành sản xuất hàng tồn kho tại thời điểm báo cáo;

Nợ phải trả bằng TSCĐ được đánh giá lại theo giá cao hơn giữa giá trị ghi sổ nợ phải trả và giá mua (cộng các chi phí liên quan trực tiếp) hoặc giá trị còn lại của TSCĐ tại thời điểm báo cáo.

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản trung bình cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo như doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

+ Phương pháp kế toán một số khoản mục tài sản khi doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục:

- Việc trích lập dự phòng hoặc đánh giá tổn thất tài sản được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản, không thực hiện trích lập dự phòng trên TK 229 - “Dự phòng tổn thất tài sản”;

- Việc tính khấu hao hoặc ghi nhận tổn thất của TSCĐ, Bất động sản đầu tư được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản, không sử dụng TK 214 để phản ánh hao mòn lũy kế.

+ Khi giả định hoạt động liên tục không còn phù hợp, doanh nghiệp phải xử lý một số vấn đề tài chính sau:

- Thực hiện trích trước vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh đối với các khoản lỗ dự kiến phát sinh trong tương lai nếu khả năng phát sinh khoản lỗ là tương đối chắc chắn và giá trị khoản lỗ được ước tính một cách đáng tin cậy; Ghi nhận nghĩa vụ hiện tại đối với các khoản phải trả kể cả trong trường hợp chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu (như biên bản nghiệm thu khối lượng của nhà thầu..) nhưng chắc chắn phải thanh toán;

- Đối với khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đang phản ánh lũy kế trên Báo cáo tình hình tài chính (như chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính sang Đồng Việt Nam), doanh nghiệp kết chuyển toàn bộ vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ);

- Các khoản chi phí trả trước chưa phân bổ hết như lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con, công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí trong giai

đoạn triển khai... được ghi giảm toàn bộ để tính vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí trả trước liên quan đến việc thuê tài sản, trả trước lãi vay được tính toán và phân bổ để phù hợp với thời gian trả trước thực tế còn lại cho đến khi chính thức dừng hoạt động;

- Các khoản chênh lệch lãi, lỗ khi đánh giá lại tài sản và nợ phải trả sau khi bù trừ với số dự phòng đã trích lập (nếu có) được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác hoặc chi phí tài chính, chi phí khác tùy từng khoản mục cụ thể tương tự như việc ghi nhận của doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

+ Trường hợp giả định về sự hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm báo cáo, doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết về khả năng tạo tiền và thanh toán nợ phải trả, vốn chủ sở hữu cho các cổ đông và giải thích lý do về sự không so sánh được giữa thông tin của kỳ báo cáo và thông tin kỳ so sánh, cụ thể:

- Số tiền có khả năng thu hồi từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản, thu hồi nợ phải thu;

- Khả năng thanh toán nợ phải trả theo thứ tự ưu tiên, như khả năng trả nợ ngân sách Nhà nước, trả nợ người lao động, trả nợ vay, nợ nhà cung cấp;

- Khả năng thanh toán cho chủ sở hữu, đối với công ty cổ phần cần công bố rõ khả năng mỗi cổ phiếu sẽ nhận được bao nhiêu tiền;

- Thời gian tiến hành thanh toán các khoản nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

- Lý do không so sánh được thông tin kỳ báo cáo và kỳ so sánh: Do kỳ trước doanh nghiệp trình bày Báo cáo tài chính dựa trên nguyên tắc doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Do doanh nghiệp chuẩn bị giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (ghi rõ tên cơ quan, số quyết định) hoặc do Ban giám đốc có dự định theo văn bản (số, ngày, tháng, năm) nên Báo cáo tài chính trong kỳ báo cáo được trình bày theo nguyên tắc kế toán khác (không đáp ứng giả định hoạt động liên tục).

1.1.7. Trách nhiệm, thời hạn lập, kỳ lập và gửi báo cáo tài chính:

+ *Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính:*

- Tất cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa phải lập và gửi báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho các cơ quan có liên quan theo quy định.

- Ngoài việc lập báo cáo tài chính năm, các doanh nghiệp có thể lập báo cáo tài chính hàng tháng, quý để phục vụ yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Kỳ lập báo cáo tài chính*

- Các doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập Báo cáo tài chính cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

- Kỳ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là quý (Không bao gồm quý 4).

- Ngoài ra các DN còn có thể lập Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán tháng, 6 tháng, 9 tháng... tùy theo yêu cầu của chủ sở hữu.

+ *Nơi nhận báo cáo tài chính năm được quy định như sau:*

Các doanh nghiệp nộp báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Thống kê.

Các doanh nghiệp (kể cả các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có trụ sở nằm trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao thì ngoài việc nộp Báo cáo tài chính năm cho các cơ quan theo quy định (Cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thống kê) còn phải nộp Báo cáo tài chính năm cho Ban quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao nếu được yêu cầu.

Nơi nhận Báo cáo tài chính.

CÁC LOẠI DOANH NGHIỆP	Kỳ lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan thuế	Cơ quan thống kê	Doanh nghiệp cấp trên	Cơ quan đăng ký kinh doanh
1. Doanh nghiệp Nhà nước	Quý, năm	x	x	x	X	x
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	x	x	x	X	x
3. Các loại doanh nghiệp khác	Năm		x	x	X	x

1.2. Báo cáo tình hình tài chính và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính.

1.2.1. Khái niệm và tác dụng của Báo cáo tình hình tài chính

❖ *Khái niệm của Báo cáo tình hình tài chính:*

Báo cáo tình hình tài chính là một Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình tài sản của DN thông qua thước đo tiền tệ, tại một thời điểm nhất định theo giá trị và nguồn hình thành tài sản.

Báo cáo tình hình tài chính liệt kê các tài sản mà công ty sở hữu và nguồn hình thành lên tài sản đó: Các nghĩa vụ nợ và vốn (chủ sở hữu hay cổ đông).

Báo cáo tình hình tài chính cũng giúp người đọc đo lường hiệu quả hoạt động của công ty về khía cạnh đầu tư và sử dụng các nguồn lực tài chính.

❖ *Tác dụng của Báo cáo tình hình tài chính:*

- Cung cấp số liệu cho việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Thông qua số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính cho biết tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp đến thời điểm lập báo cáo.
- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính có thể đưa ra nhận xét, đánh giá khái quát chung tình hình tài chính của doanh nghiệp, cho phép đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế tài chính Nhà nước của doanh nghiệp.
- Thông qua số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính có thể kiểm tra việc chấp hành các chế độ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

1.2.2. Nội dung và kết cấu của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư

133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính.

1.2.2.1. Nội dung của Báo cáo tình hình tài chính :

Báo cáo tình hình tài chính gồm hai phần (hai bên - xét về mặt hình thức) được phản ánh theo hai chỉ tiêu cơ bản.

- Số cuối năm: Là số dư cuối kỳ của các tài khoản tương ứng của kỳ báo cáo.

- Số đầu năm: Là số cuối năm trước chuyển sang, số đầu năm không đổi trong suốt cả kỳ kế toán năm.

1.2.3.2. Kết cấu của Báo cáo tình hình tài chính

Báo cáo tình hình tài chính có thể kết cấu:

- Theo chiều ngang (kết cấu dạng tài khoản): Bên trái là Tài sản, bên phải là Nguồn vốn.

- Theo chiều dọc (kết cấu dạng báo cáo): Bên trên là Tài sản, bên dưới là Nguồn vốn.

Nhưng dù kết cấu nào thì Báo cáo tình hình tài chính cũng được chia làm hai phần:

- Phần Tài sản: Phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo.

- Phần Nguồn vốn: Phản ánh toàn bộ nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo.

Biểu 1.1 : Mẫu Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01a - DNN)

Đơn vị báo cáo:

Địa chỉ:

Mẫu số B01a - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày... tháng ... năm ...

Đơn vị tính:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			
II. Đầu tư tài chính	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		(...)	(...)
III. Các khoản phải thu	130			
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
4. Phải thu khác	134			
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135			
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		(...)	(...)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(...)	(...)
V. Tài sản cố định	150			
- Nguyên giá	151			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152		(...)	(...)
VI. Bất động sản đầu tư	160			
- Nguyên giá	161			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		(...)	(...)
VII. XDCB dở dang	170			
VIII. Tài sản khác	180			
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181			
2. Tài sản khác	182			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	200			

NGUỒN VỐN				
I. Nợ phải trả	300			
1. Phải trả người bán	311			
2. Người mua trả tiền trước	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313			
4. Phải trả người lao động	314			
5. Phải trả khác	315			
6. Vay và nợ thuê tài chính	316			
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			
8. Dự phòng phải trả	318			
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319			
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
II. Vốn chủ sở hữu	400			
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	(...)	(...)	
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	500			

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.

(2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

(3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.

(4) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

1.2.3. Căn cứ và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính

1.2.3.1. Cơ sở lập Báo cáo tình hình tài chính

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp;
- Căn cứ vào sổ, thẻ kế toán chi tiết hoặc Bảng tổng hợp chi tiết; Bảng cân đối tài khoản.
- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính năm trước (để trình bày cột đầu năm).

1.2.3.2 Trình tự lập Báo cáo tình hình tài chính

- Bước 1: Kiểm soát các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
- Bước 2: Đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán và tính số dư các tài khoản.
- Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và thực hiện khóa sổ kế toán chính thức.
- Bước 4: Lập Bảng cân đối tài khoản.
- Bước 5: Lập Báo cáo tình hình tài chính theo mẫu (B01a – DNN)
- Bước 6: Kiểm tra và ký duyệt.

1.2.3.3. Phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính

- Số hiệu ghi ở cột 2 "Mã số" dùng để cộng khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Số hiệu ghi ở cột 3 "Thuyết minh" của báo cáo này là số liệu các chỉ tiêu trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm thể hiện số liệu chi tiết của các chi tiết các chỉ tiêu này trong Báo cáo tình hình tài chính.
- Số liệu ghi vào cột 4 "Số cuối năm" của báo cáo này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm nay (lấy số dư cuối kỳ của các tài khoản tổng hợp và chi tiết phù hợp với từng chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính để ghi).
- Số hiệu ghi vào cột 5 "Số đầu năm" của báo cáo này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 "Số cuối năm" của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước.

Phương pháp lập các chỉ tiêu cụ thể trên Báo cáo tình hình tài chính:

Phần: TÀI SẢN

I. Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 111, 112, số dư Nợ chi tiết của TK 1281 (chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) và TK 1288 (chi tiết các khoản đủ tiêu chuẩn phân loại là tương đương tiền).

Ngoài ra, trong quá trình lập báo cáo, nếu nhận thấy các khoản mục được phản ánh ở các tài khoản khác thỏa mãn định nghĩa tương đương tiền thì kế toán được phép trình bày trong chỉ tiêu này. Các khoản tương đương tiền có thể bao gồm: Kỳ phiếu ngân hàng, tín phiếu kho bạc,...

Các khoản trước đây được phân loại là tương đương tiền nhưng quá hạn chưa thu hồi được phải chuyển sang trình bày tại các chỉ tiêu khác, phù hợp với nội dung của từng khoản mục.

Khi phân tích các chỉ tiêu tài chính, ngoài các khoản tương đương tiền trình bày trong chỉ tiêu này, kế toán có thể coi tương đương tiền bao gồm cả các khoản có thời hạn thu hồi còn lại dưới 3 tháng kể từ ngày báo cáo (nhưng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

II. Đầu tư tài chính (Mã số 120)

Các khoản đầu tư tài chính được phản ánh trong chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư đã được trình bày trong chỉ tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” (Mã số 110) và các khoản phải thu về cho vay đã được trình bày trong chỉ tiêu “Phải thu khác” (Mã số 134).

Mã số 120 = Mã số 121 + Mã số 122 + Mã số 123 + Mã số 124.

1. Chứng khoán kinh doanh (Mã số 121)

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chỉ tiêu này có thể bao

gồm cả các công cụ tài chính không được chứng khoán hóa, ví dụ như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 121.

2. *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Mã số 122)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác. Chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trình bày trong chỉ tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” (Mã số 110), và các khoản phải thu về cho vay đã được trình bày trong chỉ tiêu “Phải thu khác” (Mã số 134).

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của các TK 1281, 1288.

3. *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Mã số 123)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư khác.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 228.

4. *Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (Mã số 124)*

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 2291, 2292 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

III. Các khoản phải thu (Mã số 130)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị của các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo, như: Phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc, phải thu khác, tài sản thiếu chờ xử lý sau khi đã trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Mã số 130 = Mã số 131 + Mã số 132 + Mã số 133 + Mã số 134 + Mã số 135 + Mã số 136.

1. *Phải thu của khách hàng (Mã số 131)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải thu của khách hàng tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 131 mở theo từng khách hàng.

2. Trả trước cho người bán (Mã số 132)

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền đã trả trước cho người bán để mua tài sản, dịch vụ nhưng chưa nhận được tài sản, dịch vụ tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 331 mở theo từng người bán.

3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (Mã số 133)

Chỉ tiêu này chỉ ghi trên Báo cáo tình hình tài chính của đơn vị cấp trên phản ánh số vốn kinh doanh đã giao cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Khi lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp của toàn doanh nghiệp, chỉ tiêu này được bù trừ với chỉ tiêu “Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh” (Mã số 317) hoặc chỉ tiêu “Vốn góp của chủ sở hữu” (Mã số 411) trên Báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi tiết phần vốn nhận của đơn vị cấp trên.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của TK 1361.

4. Phải thu khác (Mã số 134)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, như: Phải thu nội bộ khác ngoài phải thu về vốn kinh doanh; phải thu về cho vay, phải thu về các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền lãi, cổ tức được chia, các khoản tạm ứng; các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tạm thời,... mà doanh nghiệp được quyền thu hồi.

Khi đơn vị cấp trên lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp với đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc, khoản phải thu nội bộ khác trong chỉ tiêu này được bù trừ với khoản phải trả nội bộ khác trong chỉ tiêu “Phải trả khác” (Mã số 315) trên Báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của các TK 1288

(phải thu về cho vay), 1368, 1386, 1388, 334, 338, 141.

5. Tài sản thiếu chờ xử lý (Mã số 135)

Chỉ tiêu này phản ánh các tài sản thiếu hụt, mất mát chưa rõ nguyên nhân đang chờ xử lý tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 1381.

6. Dự phòng phải thu khó đòi (Mã số 136)

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2293 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

IV. Hàng tồn kho (Mã số 140)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị hiện có các loại hàng tồn kho dự trữ cho quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (sau khi trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho) tại thời điểm báo cáo.

Mã số 140 = Mã số 141 + Mã số 142.

1. Hàng tồn kho (Mã số 141)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của các TK 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157.

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 142)

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng giảm giá của các loại hàng tồn kho tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2294 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

V. Tài sản cố định (Mã số 150)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại tài sản cố định tại thời điểm báo cáo.

Mã số 150 = Mã số 151 + Mã số 152.

+ Nguyên giá (Mã số 151)

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ nguyên giá các loại tài sản cố định tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 211.

+ *Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 152)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ giá trị đã hao mòn của các loại tài sản cố định lũy kế tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 2141, 2142, 2143 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

VI. Bất động sản đầu tư (Mã số 160)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại bất động sản đầu tư tại thời điểm báo cáo.

Mã số 160 = Mã số 161 + Mã số 162.

+ *Nguyên giá (Mã số 161)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ nguyên giá của các loại bất động sản đầu tư tại thời điểm báo cáo sau khi đã trừ số tổn thất do suy giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Số liệu để phản ánh vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 217.

+ *Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 162)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ giá trị hao mòn lũy kế của bất động sản đầu tư dùng để cho thuê tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2147 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

VII. Xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 170)

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 241.

VIII. Tài sản khác (Mã số 180)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng giá trị các tài sản khác tại thời

điểm báo cáo, như: Thuế GTGT còn được khấu trừ và tài sản khác tại thời điểm báo cáo.

Mã số 180 = Mã số 181 + Mã số 182.

1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Mã số 181)

Chỉ tiêu này phản ánh số thuế GTGT còn được khấu trừ và số thuế GTGT còn được hoàn lại tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ” căn cứ vào số dư Nợ của TK 133.

2. Tài sản khác (Mã số 182)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị các tài sản khác tại thời điểm báo cáo, như: Chi phí trả trước, thuế và các khoản khác nộp thừa cho Nhà nước.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ chi tiết các TK 242, 333.

Tổng cộng tài sản (Mã số 200)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng trị giá tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

Mã số 200 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150 + Mã số 160 + Mã số 170 + Mã số 180.

PHẦN NGUỒN VỐN

1. Nợ phải trả (Mã số 300)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số nợ phải trả tại thời điểm báo cáo.

Mã số 300 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315 + Mã số 316 + Mã số 317 + Mã số 318 + Mã số 319 + Mã số 320

1. Phải trả người bán (Mã số 311)

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải trả cho người bán tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 331 mở cho từng người bán.

2. Người mua trả tiền trước (Mã số 312)

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền người mua ứng trước để mua sản phẩm,

hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định, bất động sản đầu tư và doanh nghiệp có nghĩa vụ cung cấp tại thời điểm báo cáo (không bao gồm các khoản doanh thu nhận trước).

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 131 mở cho từng khách hàng.

3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Mã số 313)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng các khoản doanh nghiệp còn phải nộp cho Nhà nước tại thời điểm báo cáo, bao gồm cả các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 333.

4. Phải trả người lao động (Mã số 314)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh nghiệp còn phải trả cho người lao động tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 334.

5. Phải trả khác (Mã số 315)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, như: Chi phí phải trả, phải trả nội bộ khác ngoài khoản phải trả về vốn kinh doanh, giá trị tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân, các khoản phải nộp cho cơ quan BHXH, KPCĐ, các khoản nhận ký cược, ký quỹ, doanh thu chưa thực hiện...

Khi đơn vị cấp trên lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp với đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc, khoản phải trả nội bộ khác trong chỉ tiêu này được bù trừ với khoản phải thu nội bộ khác trong chỉ tiêu “Phải thu khác” (Mã số 134) trên Báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của các TK 335, 3368, 338, 1388.

6. Vay và nợ thuê tài chính (Mã số 316)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị các khoản doanh nghiệp đi vay, còn nợ các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác kể cả

khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 341, 4111 (cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả).

7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh (Mã số 317)

Tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động và mô hình quản lý của từng đơn vị, doanh nghiệp thực hiện phân cấp và quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn do doanh nghiệp cấp vào chỉ tiêu này hoặc chỉ tiêu “Vốn góp của chủ sở hữu” (Mã số 411).

Chỉ tiêu này chỉ trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính đơn vị cấp dưới không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc, phản ánh các khoản đơn vị cấp dưới phải trả cho đơn vị cấp trên về vốn kinh doanh.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 3361. Khi đơn vị cấp trên lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp toàn doanh nghiệp, chỉ tiêu này được bù trừ với chỉ tiêu “Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc” (Mã số 133) trên Báo cáo tình hình tài chính của đơn vị cấp trên.

8. Dự phòng phải trả (Mã số 318)

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng cho các khoản dự kiến phải trả tại thời điểm báo cáo, như dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng, các khoản chi phí trích trước để sửa chữa TSCĐ định kỳ, chi phí hoàn nguyên môi trường trích trước... Các khoản dự phòng phải trả thường được ước tính, chưa chắc chắn về thời gian phải trả, giá trị phải trả và doanh nghiệp chưa nhận được hàng hóa, dịch vụ từ nhà cung cấp.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có của TK 352.

9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Mã số 319)

Chỉ tiêu này phản ánh Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng ban quản lý điều hành chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 353.

10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Mã số 320)

Chỉ tiêu này phản ánh số Quỹ phát triển khoa học và công nghệ chưa

sử dụng tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 356.

II. *Vốn chủ sở hữu (Mã số 400)*

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh các khoản vốn kinh doanh thuộc sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn, như: Vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Mã số 400 = Mã số 411 + Mã số 412 + Mã số 413 + Mã số 414 + Mã số 415 + Mã số 416 + Mã số 417

1. *Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số vốn đã thực góp của các chủ sở hữu vào doanh nghiệp (đối với công ty cổ phần phản ánh vốn góp của các cổ đông theo mệnh giá cổ phiếu) tại thời điểm báo cáo.

Tại đơn vị hạch toán phụ thuộc, chỉ tiêu này có thể phản ánh số vốn được cấp nếu doanh nghiệp quy định đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận vốn kinh doanh được cấp vào TK 411.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4111.

2. *Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412)*

Chỉ tiêu này phản ánh thặng dư vốn cổ phần ở thời điểm báo cáo của công ty cổ phần.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4112. Nếu TK 4112 có số dư Nợ thì chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

3. *Vốn khác của chủ sở hữu (Mã số 413)*

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 4118.

4. *Cổ phiếu quỹ (Mã số 414)*

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị cổ phiếu quỹ hiện có ở thời điểm báo cáo của công ty cổ phần.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 419 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Mã số 415)

Trường hợp đơn vị sử dụng đồng tiền khác Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chỉ tiêu này phản ánh khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi Báo cáo tài chính sang Đồng Việt Nam.

6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 416)

Chỉ tiêu này phản ánh các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 418.

7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 417)

Chỉ tiêu này phản ánh số lãi (hoặc lỗ) sau thuế chưa phân phối tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 421. Trường hợp TK 421 có số dư Nợ thì số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

Tổng cộng nguồn vốn (Mã số 500)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng số các nguồn vốn hình thành tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo. Mã số 500 = Mã số 300 + Mã số 400.

Chỉ tiêu “Tổng cộng Tài sản Mã số 200” = Chỉ tiêu “Tổng cộng Nguồn vốn Mã số 500”

*** Một số tài khoản đặc biệt cần lưu ý :**

+ Các tài khoản dự phòng (TK 229), hao mòn TSCĐ (TK 214) mặc dù có số dư bên có nhưng vẫn được ghi bên phần "Tài sản" bằng cách ghi âm (ghi số tiền trong ngoặc đơn) nhằm phản ánh chính xác quy mô tài sản hiện có của Doanh nghiệp.

+ Các chỉ tiêu chênh lệch đánh giá lại tài sản (TK 412), chênh lệch tỷ giá (TK 413), lợi nhuận chưa phân phối (TK 421): Nếu các tài khoản đã nêu có số dư Có thì ghi bình thường, còn có số dư Nợ thì phải ghi âm bên Nguồn vốn.

+ Khoản “Phải thu khách hàng” và “ Người mua trả tiền trước”, “ Trả trước cho người bán”, “ Phải thu khác”, “ Phải trả khác”, không được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính mà phải dựa vào Bảng tổng hợp chi tiết để

phản ánh vào từng chỉ tiêu phù hợp với quy định.

1.3. Phân tích Báo cáo tình hình tài chính.

1.3.1. Phương pháp phân tích Báo cáo tình hình tài chính

Khi phân tích Báo cáo tình hình tài chính thường sử dụng phương pháp so sánh, phương pháp tỷ lệ và phương pháp cân đối.

a) Phương pháp so sánh: Dùng để xác định xu hướng, mức độ biến động của chỉ tiêu phân tích. Trong phương pháp này có 3 kỹ thuật so sánh chủ yếu :

- So sánh tuyệt đối: Là mức độ biến động [vượt (+) hay hụt (-)] của chỉ tiêu nghiên cứu giữa kỳ phân tích so với kỳ gốc.

- So sánh tương đối: Là tỷ lệ % của mức biến động giữa 2 kỳ, kỳ phân tích so với kỳ gốc.

- So sánh kết cấu: Là tỷ trọng của một chỉ tiêu kinh tế trong tổng thể các chỉ tiêu cần so sánh.

b). Phương pháp tỷ lệ:

Phương pháp này dựa trên ý nghĩa chuẩn mực của các đại lượng tài chính trong quan hệ tài chính. Sự biến đổi các tỷ lệ là sự biến đổi các đại lượng tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp tỷ lệ yêu cầu cần xác định được các ngưỡng. Các định mức để nhận xét, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở so sánh các tỷ lệ của doanh nghiệp với giá trị các tỷ lệ tham chiếu. Phương pháp tỷ lệ bao gồm:

- *Tỷ lệ khả năng thanh toán*: đánh giá khả năng đáp ứng của từng khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.

- *Tỷ lệ về khả năng cân đối vốn, nguồn vốn*: phản ánh mức độ ổn định và tự chủ về tài chính.

Tỷ lệ khả năng sinh lời: phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh tổng hợp nhất của doanh nghiệp.

c) Phương pháp cân đối

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp hình thành nhiều mối quan hệ cân đối, cân đối là sự cân bằng về lượng giữa hai mặt của các yếu tố và quá trình kinh doanh.

Qua việc so sánh này, các nhà quản lý sẽ liên hệ với tình hình và nhiệm

vụ kinh doanh cụ thể để đánh giá tình hình thực hợp lý của sự biến động theo từng chỉ tiêu cũng như biến động về tổng giá trị tài sản và nguồn vốn.

Ngoài ra còn sử dụng thêm các phương pháp như: Thay thế liên hoàn, chênh lệch và nhiều khi đòi hỏi của quá trình phân tích yêu cầu cần phải sử dụng kết hợp các phương pháp với nhau để thấy được mối quan hệ giữa các chỉ tiêu. Qua đó, các nhà quản trị mới đưa ra các quyết định đúng đắn, hợp lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

1.3.2. Nội dung của phân tích Báo cáo tình hình tài chính

1.3.2.1. Đánh giá khái quát tình hình tài chính của Doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính.

Đánh giá khái quát tình hình tài chính là việc xem xét, nhận định về sơ bộ bước đầu về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Công việc này sẽ cung cấp cho nhà quản lý biết được thực trạng tài chính cũng như đánh giá được sức mạnh tài chính của doanh nghiệp, nắm bắt được tình hình tài chính của doanh nghiệp là khả quan hay không khả quan. Để đánh giá khái quát tình hình tài chính cần tiến hành:

- Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản: Phân tích tình hình biến động tăng giảm và cơ cấu tài sản là thực hiện việc so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản giữa cuối năm so với đầu năm. Đồng thời còn phải xem xét tỷ trọng từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được cơ cấu tài sản của doanh nghiệp là hợp lý hay chưa cũng như việc phân bổ nguồn vốn hình thành cơ cấu tài sản của doanh nghiệp từ đó đưa ra các giải pháp về vốn cũng như cơ cấu vốn trọng thời gian tới. (Biểu số 1.2)

- Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn: là phân tích cơ cấu và tình hình biến động trên tổng số nguồn vốn cũng như từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Đồng thời qua phân tích cơ cấu nguồn vốn, sẽ giúp cho chúng ta nắm được cơ cấu nguồn vốn huy động, biết được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các nhà cho vay, nhà cung ứng, người lao động, ngân sách,... về số tài sản tài trợ bằng nguồn vốn của họ. (Biểu 1.3)

BIỂU 1.2: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TÀI SẢN

TÀI SẢN	01/01/200N		31/12/200N		Chênh lệch		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Số tương đối	Tỷ trọng
I. Tiền và các khoản tương đương tiền							
II. Đầu tư tài chính							
III. Các khoản phải thu							
IV. Hàng tồn kho							
V. Tài sản cố định							
VI. Bất động sản đầu tư							
VII. XDCB dở dang							
VIII. Tài sản khác							
Cộng							

BIỂU 1.3: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

NGUỒN VỐN	01/01/200N		31/12/200N		Chênh lệch		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Số tương đối	Tỷ trọng
I. Nợ phải trả							
1. Phải trả người bán							
...							
II. Vốn chủ sở hữu							
1. Vốn góp của chủ sở hữu							
...							
CỘNG							

1.3.2.2. Phân tích tình hình tài chính của Doanh nghiệp thông qua các tỷ số tài chính cơ bản.

- Nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán

+ Tỷ số khả năng thanh toán tổng quát: Là chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán chung của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu này cho biết tổng số tài sản hiện có của doanh nghiệp có đảm bảo trang trải khoản nợ phải trả hay không.

$$\text{Tỷ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ ngắn hạn} + \text{Nợ dài hạn}}$$

Nếu tỷ số này nhỏ hơn 1, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán khó khăn về tài chính. Tỷ số trên càng lớn và có xu hướng ngày càng tăng chứng tỏ tất cả các khoản vốn huy động từ bên ngoài đều có tài sản đảm bảo.

+ Tỷ số thanh toán hiện thời :

$$\text{Tỷ số thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Tỷ số này càng lớn (lớn hơn 1) và có xu hướng ngày càng tăng chứng tỏ khả năng thanh toán của doanh nghiệp tăng và ngược lại. Nếu tỷ số này tăng thì rủi ro tài chính càng giảm và ngược lại.

Chú ý : Nếu tỷ số này tăng do nợ khó đòi phải thu tăng, do hàng bán trả chậm kém phẩm chất tăng, làm một phần hàng tồn kho tăng, làm cho không thể kết luận doanh nghiệp có khả năng thanh toán và làm cho rủi ro tài chính doanh nghiệp tăng.

Nếu tỷ số khả năng thanh toán giảm do tăng nợ phải trả thì kết luận khả năng thanh toán giảm, rủi ro tài chính tăng.

Nếu khả năng thanh toán giảm do tử số giảm làm tốt công việc thu hồi công nợ, hàng bán nhanh dẫn tới hàng tồn kho giảm thì có thể kết luận doanh nghiệp có khả năng thanh toán và rủi ro tài chính không tăng.

+ Tỷ số thanh toán nhanh: Là thước đo về huy động các tài sản có khả năng chuyển đổi ngay thành tiền để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn

$$\text{Tỷ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Nếu tỷ số trên càng lớn và có xu hướng ngày càng tăng thì khả năng thanh toán nhanh của DN tăng làm cho rủi ro tài chính của DN giảm và ngược lại.

+ Tỷ số khả năng thanh toán lãi vay: Là tỷ số giữa nguồn dùng để trả lãi vay với số lãi vay phải trả. Cho phép đánh giá khả năng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có sinh lời để bù đắp lãi vay phải trả không? Mức độ sẵn sàng trả lãi vay ra sao?

$$\text{Tỷ số thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước lãi vay và thuế TNDN}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

- Nhóm chỉ tiêu phản ánh cơ cấu tài chính và cơ cấu tài sản.

+ Hệ số nợ : Cho biết cứ sử dụng một đồng vốn kinh doanh thì có bao nhiêu đồng vay nợ, được các nhà quản lý sử dụng như một đòn bẩy để tăng lợi nhuận.

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Hệ số này càng lớn, và có xu hướng ngày càng tăng, nó chứng tỏ tổng nguồn vốn của doanh nghiệp chủ yếu là vốn vay do đó rủi ro tài chính tăng và ngược lại.

+ Hệ số vốn chủ sở hữu, cho biết mức độ độc lập hay phụ thuộc của doanh nghiệp đối với các chủ nợ, khả năng tự tài trợ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và thước đo sự góp vốn của chủ sở hữu trong tổng số vốn doanh nghiệp dùng để kinh doanh.

$$\text{Hệ số Vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}} = 1 - \text{Hệ số nợ}$$

+ Hệ số cơ cấu tài sản

$$\text{Hệ số đầu tư tài sản ngắn hạn} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$\text{Hệ số đầu tư tài sản dài hạn} = \frac{\text{Tổng tài sản dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$\text{Cơ cấu tài sản} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng tài sản dài hạn}}$$

Các chỉ tiêu cơ cấu tài sản phản ánh sử dụng bình quân một đồng vốn thì dành ra bao nhiêu đồng để đầu tư vào tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH HÀ TIẾN

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Hà Tiến.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Hà Tiến.

Tên gọi của công ty: Công ty TNHH Hà Tiến

Tên quốc tế: HATIEN COMPANY LIMITED

Địa chỉ: phố Mới, Xã Vĩnh Tiến, Huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hoá

Đại diện bà: Đỗ Thị Hà

Mã số thuế: 2801690398

Điện thoại: 0237.762.218, Fax: 0237.762.218

Số tài khoản: 3508201002775, Tên ngân hàng: Ngân hàng NN & PTNT

Chi Nhánh Vĩnh Lộc

Công ty TNHH Hà Tiến là doanh nghiệp tư nhân được thành lập theo quy định của sở KHĐT thành phố Hải Phòng ngày 01 tháng 08 năm 2008. Hoạt động của công ty căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động do Hội đồng thành viên phê duyệt, theo đó công ty hạch toán độc lập, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, hoạt động theo điều lệ chung của công ty TNHH 1 thành viên trở lên và luật doanh nghiệp.

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn phục vụ kinh doanh để có hiệu quả cao, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi nhuận và không ngừng đóng góp cho ngân sách nhà nước theo luật định, phát triển công ty ngày càng vững mạnh trên các lĩnh vực hoạt động kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng: các loại gạch ốp lát, các thiết bị điện nước như các thiết bị nhà vệ sinh, ổ cắm dây điện các loại...

Công ty ra đời trong sự phát triển của nền kinh tế, xuất phát từ nhu cầu xây dựng các công trình, nhu cầu cung cấp các dịch vụ trọn gói, hoàn hảo của nhân dân, đất nước. Được thành lập từ năm 2008 đến nay công ty đã thay đổi về cơ cấu tổ chức nhân sự, bổ sung ngành nghề kinh doanh sao cho phù hợp với sự phát triển của xã hội đòi hỏi tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên công ty phải cố gắng nỗ

lực hết mình.

Công ty TNHH Hà Tiến đã trải qua 10 năm hình thành và phát triển. Tuy thời gian chưa dài nhưng trong suốt quá trình hoạt động, không thể kể hết những khó khăn chồng chất cũng như những trở ngại không lường mà tập thể cán bộ công nhân viên Công ty phải vượt qua từ những ngày tháng khởi nghiệp, đổi lại đến nay công ty đã khẳng định được uy tín, vị thế, thương hiệu của mình trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Để tồn tại trên thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt và đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường cũng như sự phát triển không ngừng của đất nước, Công ty đã xây dựng chiến lược cho riêng mình, trong đó trọng tâm là đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên. Đồng thời, Công ty cũng chú trọng đầu tư cho công tác marketing, tích cực quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu. Qua đó, đã tạo được uy tín với các chủ đầu tư, đồng thời tạo được nền móng vững chắc để Công ty phát triển trong điều kiện mới.

2.1.2.Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Hà Tiến.

+ *Hình thức pháp lý:*

Công ty TNHH Hà Tiến có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, được tổ chức và hoạt động theo quy định luật doanh nghiệp, điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kinh doanh. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình.

+ *Phạm vi kinh doanh và hoạt động:*

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của công ty.

- Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép.

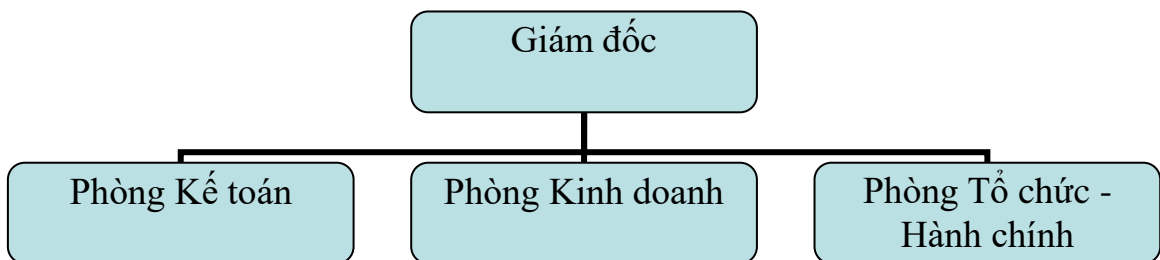
+ *Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty:*

Kinh doanh vật liệu xây dựng: các loại gạch ốp lát, các thiết bị điện nước

như các thiết bị nhà vệ sinh, ổ cắm dây điện các loại... Xây dựng các công trình phụ như nhà vệ sinh, lắp đặt các đường ống nước...

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Hà Tiên.

Để phù hợp với quy mô của Công ty, Công ty TNHH Hà Tiên đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng và thực hiện theo chế độ một thủ trưởng. Các phòng ban chức năng và các phân xưởng sản xuất có trách nhiệm và quyền hạn trong phạm vi của mình. Sau đây là sơ đồ về bộ máy quản lý của Công ty TNHH Hà Tiên.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty TNHH Hà Tiên

- Giám đốc:

Chịu trách nhiệm, quyền hạn cao nhất đối với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy nhân sự kinh doanh. Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.

- Phòng Kế toán:

Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm vật tư, thiết bị, tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, báo cáo quyết toán tài chính. Kế toán phải tham mưu cho Ban Giám đốc về các chính sách tài chính – Kế toán của công ty, phân tích đánh giá tình hình quản lý tài chính, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra đề xuất những biện pháp chỉ đạo thực hiện nghiệp vụ kế toán tài chính đảm bảo đúng pháp luật. Kiểm tra chất lượng, định lượng vật tư, hàng hóa trước khi nhập kho, kiểm kê vật tư, hàng hóa theo dõi thành phẩm, vật

tu.

Quản lý danh mục vật tư, công cụ dụng cụ của công ty, quản lý toàn bộ số lượng giá trị nhập kho và tồn kho của vật tư, theo dõi vật tư mua sắm.

Kế toán chịu trách nhiệm tính lương và theo dõi các khoản thanh toán với cán bộ công nhân viên, theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền...

Viết, lập, quản lý hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra của công ty, theo dõi tất cả công nợ phải thu khách hàng, thu hồi công nợ, tập hợp chứng từ.

- Phòng Kinh doanh:

Là bộ phận trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động tiếp thị - bán hàng tới các khách hàng và khách hàng tiềm năng của Doanh nghiệp nhằm đạt mục tiêu về doanh số, thị phần,... Lập các kế hoạch kinh doanh và triển khai thực hiện; thực hiện hoạt động bán hàng tới các Khách hàng nhằm mang lại doanh thu cho doanh nghiệp...

- Phòng Tổ chức – Hành chính:

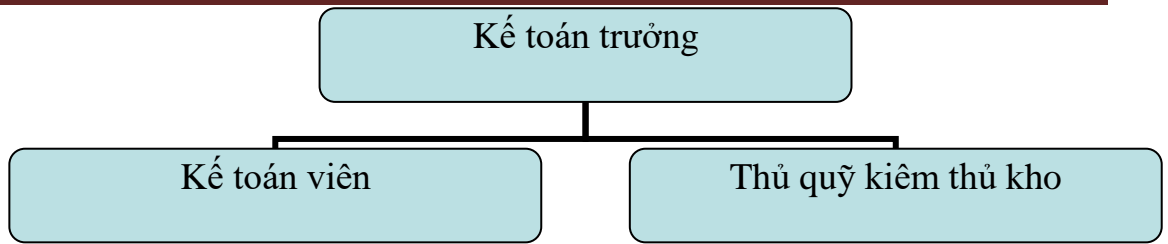
Thực hiện các công tác văn phòng như: tiếp nhận và xử lý các công việc nội bộ trong DN, tiếp khách, xử lý các công văn khách hàng gửi tới, lưu trữ, phát hành văn bản, con dấu có tính chất pháp lý và chịu trách nhiệm trước ban giám đốc và pháp luật về tính pháp lý....; giải quyết các vấn đề liên quan đến nhân sự.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Hà Tiên

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Để tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, Công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ cụ thể và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo Công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và đối với công tác kế toán nói riêng .

Hiện nay phòng kế toán của Công ty có 3 người : Kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ kiêm thủ kho. Sau đây là sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Hà Tiên.



Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Hà Tiên

❖ **Kế toán trưởng:**

- Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ công nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước. Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của công ty. Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

❖ **Kế toán viên:**

- Giúp kế toán trưởng kiểm soát cập nhật hạch toán các số liệu thông qua các chứng từ ghi chép ban đầu hợp pháp vào sổ sách kế toán có liên quan kịp thời phải đảm bảo độ chính xác để báo cáo với kế toán trưởng. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phát hiện kịp thời những sai sót vi phạm về nguyên tắc, nghiệp vụ quản lý KTTC... Căn cứ vào chứng từ thanh toán đã được Giám đốc duyệt và kế toán trưởng kiểm soát, lập phiếu thu và phiếu chi theo quy định sau đó chuyển cho thủ quỹ thực hiện. Theo dõi doanh thu, giá vốn hàng bán. Theo dõi công tác thuế, lập bảng kê khai thuế hàng tháng. Quản lý hoá đơn, viết hoá đơn bán hàng. Giúp kế toán trưởng hướng dẫn các phòng ban ghi chép các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh đảm bảo chính xác đúng mẫu biểu quy định.

- *Quản lý các khoản thu:* Thực hiện các nghiệp vụ thu tiền: thu tiền của thu ngân hàng ngày & thu khác. Theo dõi tiền gửi ngân hàng. Quản lý các chứng

từ liên quan đến thu chi.

- *Quản lý các khoản chi:* Lập kế hoạch thanh toán với nhà cung cấp hàng tuần, hàng tháng. Chủ động liên hệ với nhà cung cấp trong trường hợp kế hoạch thanh toán không đảm bảo. Thực hiện nghiệp vụ thanh toán bằng tiền mặt hay tiền gửi cho nhà cung cấp: nhận hoá đơn, xem xét phiếu đề nghị thanh toán, lập phiếu chi... Thực hiện các nghiệp vụ chi nội bộ như lương, thanh toán mua hàng ngoài... Theo dõi nghiệp vụ tạm ứng.

- *Theo dõi việc quản lý quỹ tiền mặt:* Kết hợp với thủ quỹ thực hiện nghiệp vụ thu chi theo quy định. Tiền mặt tồn quỹ phải được sắp xếp theo loại giấy bạc và được kiểm lại cuối ngày. Khóa Sổ và niêm kết trước khi ra về.

❖ ***Thủ quỹ kiêm thủ kho:***

Chịu trách nhiệm thu, chi theo chứng từ gốc dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng, đảm bảo việc thu, chi tiền mặt theo chứng từ gốc, tồn quỹ tiền mặt, kết hợp sổ sách kế toán.

Lập hồ sơ theo dõi tình hình nhập xuất hàng hóa về số lượng.

2.1.4.2. *Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.*

- Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp Bình quân liên hoàn.
- Chế độ kế toán áp dụng: theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.

2.1.4.3. *Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán*

Công ty TNHH Hà Tiến tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Thông tư số 133/2016/QĐ-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.4.4. *Tổ chức vận dụng hình thức kế toán và hệ thống sổ sách kế toán*

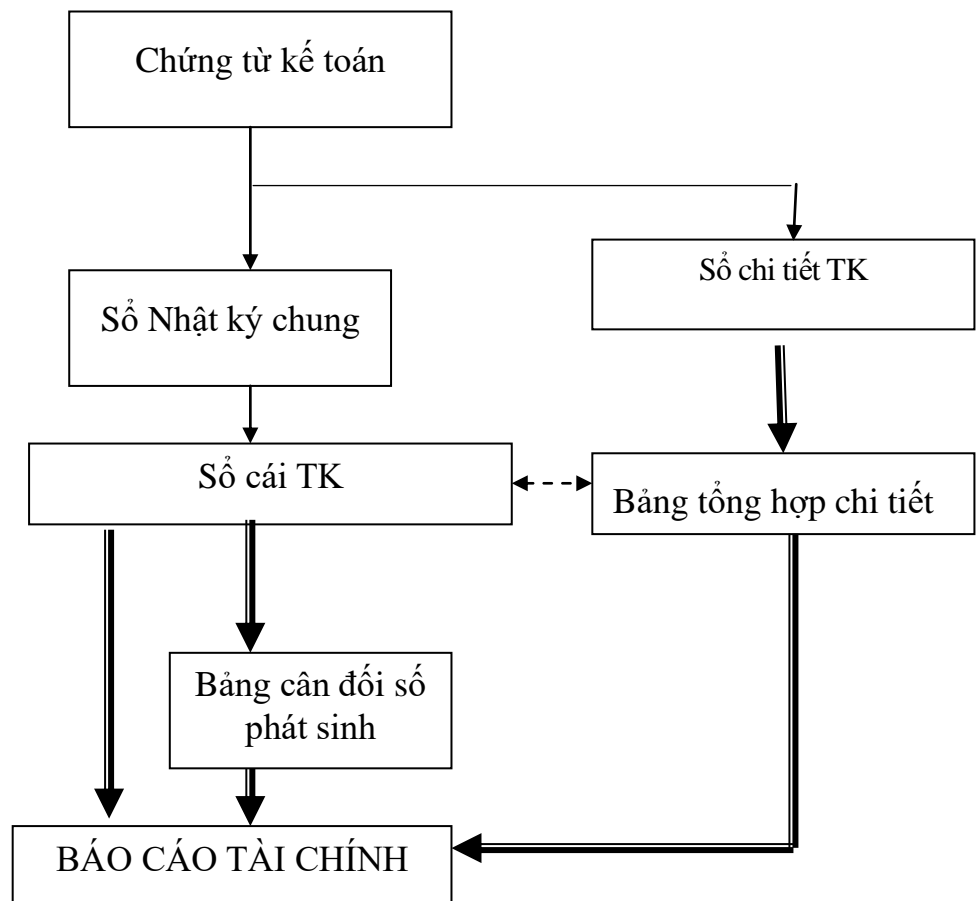
Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình

thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái các tài khoản.
- Các sổ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - <-----> Đối chiếu

Sơ đồ 2.3 Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung là: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phải được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát

sinh và nội dung của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên Sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu của sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái và lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán

❖ Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng cân đối tài khoản.
- Báo cáo tình hình tài chính - Mẫu B01a- DNN.
- Báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu B02 – DNN.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu B03 – DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu B09 – DNN.

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của nhà nước như báo cáo thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước...

2.2 Thực trạng công tác lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiến.

2.2.1 Căn cứ lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiến.

- Căn cứ vào Bảng cân đối tài khoản.

- Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản như Bảng tổng hợp phải thu khách hàng, Bảng tổng hợp phải trả người bán...

- Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính năm trước.

2.2.2 Trình tự lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiên.

Hiện nay Công ty TNHH Hà Tiên thực hiện lập Báo cáo tình hình tài chính theo các bước sau:

Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán

Bước 2: Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán.

Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán chính thức.

Bước 4: Lập Bảng cân đối tài khoản.

Bước 5: Lập Báo cáo tình hình tài chính theo thông tư 133/2016/TT-BTC.

Bước 6: Thực hiện kiểm tra và ký duyệt

2.2.2.1. Kiểm tra tính có thật của các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán

Định kỳ, kế toán tiến hành kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nghĩa là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán phản ánh vào sổ sách có đầy đủ chứng từ hay không, chứng từ có đảm bảo tuân theo quy định của Nhà nước hay không. Nếu có sai sót trong khâu này thì kế toán công ty phải có biện pháp xử lý kịp thời. Trình tự kiểm tra được tiến hành như sau:

- Sắp xếp bộ chứng từ kế toán theo thứ tự thời gian phát sinh nghiệp vụ;

- Kiểm tra, đối chiếu các chứng từ với các nghiệp vụ được phản ánh vào sổ

Nhật ký chung.

+ Đối chiếu số lượng chứng từ với số lượng các nghiệp vụ phản ánh vào sổ Nhật ký chung.

+ Đối chiếu ngày tháng chứng từ với ngày tháng trong sổ Nhật ký chung.

+ Đối chiếu nội dung kinh tế từng chứng từ với nội dung kinh tế từng nghiệp vụ được phản ánh trong sổ Nhật ký chung.

+ Kiểm tra số tiền theo từng chứng từ và số tiền từng nghiệp vụ được phản ánh trong sổ Nhật ký chung.

+ Kiểm soát quan hệ đối ứng trong sổ Nhật ký chung.

Ví dụ: Ngày 03/12/2018 Công ty mua Gạch 4040 của Công ty cổ phần Nam Việt theo hóa đơn số 0000987, chưa thanh toán.

Kế toán tiến hành kiểm tra các chứng từ phát sinh và việc ghi vào sổ sách kế toán có liên quan, gồm:

- Hóa đơn GTGT (Biểu 2.1)
- Biên bản bàn giao (Biểu 2.2)
- Phiếu Nhập kho (Biểu 2.3)
- Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.4)
- Sổ cái TK 133 (Biểu 2.5), sổ cái TK 156 (Biểu 2.6), sổ cái TK 331 (Biểu 2.7)

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Ký hiệu: HM/18P			
Ngày 03 tháng 12 năm 2018		Số: 0000987			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT Mã số thuế: 2801441308 Địa chỉ: phố Mới, Xã Vĩnh Tiến, Huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hoá Điện thoại: 0237.712.008, Fax: 0237.712.008 Số tài khoản: 3508201002775 - Ngân hàng NN & PTNT Chi Nhánh Vĩnh Lộc					
Họ tên người mua hàng: Hà Văn Thông Tên đơn vị: Công ty TNHH Hà Tiên Mã số thuế: 2801690398 Địa chỉ: phố Mới, Xã Vĩnh Tiến, Huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hoá Điện thoại: 0237.762.218, Fax: 0237.762.218 Số tài khoản: 3508201002315 - Ngân hàng NN & PTNT Chi Nhánh Vĩnh Lộc					
T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Gạch 4040	Hộp	100	101.000	10.100.000
2	Bồn nước Inox PPN 3000L	Bộ	2	6.500.000	13.000.000
Cộng tiền hàng					23.100.000
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		2.310.000
Tổng cộng tiền thanh toán					25.410.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, bốn trăm mười nghìn đồng chẵn .					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					
(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Hà Tiên)					

Biểu số 2.2: Biên bản giao nhận hàng hóa

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–tự do – hạnh phúc
-----o0o-----

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Hôm nay, ngày 03 tháng 12 năm 2018, Chúng tôi gồm :

Bên A (Bên nhận hàng): Công ty TNHH Hà Tiên

Mã số thuế: 2801690398

Địa chỉ: phố Mới, Xã Vĩnh Tiến, Huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237.762.218, Fax: 0237.762.218

Số tài khoản: 3508201002315 - Ngân hàng NN & PTNT Chi Nhánh Vĩnh Lộc

Đại diện: Bà Đinh Hồng Vân – Chức vụ : Nhân viên phòng kinh doanh.

Bên B (Bên giao hàng): CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Mã số thuế: 2801441308

Địa chỉ: phố Mới, Xã Vĩnh Tiến, Huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237.712.008, Fax: 0237.712.008

Số tài khoản: 3508201002775 - Ngân hàng NN & PTNT Chi Nhánh Vĩnh Lộc

Đại diện : Ông Nguyễn Hoàng Lâm – Chức vụ : Nhân viên phòng kinh doanh.

Hai bên cùng nhau thống nhất lập biên bản giao thực tế số lượng, chủng loại hàng hóa cụ thể như sau :

STT	Tên và quy cách sản phẩm	ĐVT	Số lượng
1	Gạch 4040	Hộp	100
2	Bồn nước Inox PPN 3000L	Bộ	2

Kèm theo chứng từ : Hóa đơn GTGT số **0000987**

Biên bản kết thúc vào hồi 16h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên. Biên bản được thành lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Hà Tiên)

Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho

Công ty TNHH Hà Tiến
Địa chỉ: Phố Mới, Vĩnh Tiến, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá

Mẫu số: 01 – VT
(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 03 tháng 12 năm 2018

Số: 741

156 **23.100.000**

Có: 331 **23.100.000**

Họ và tên người giao: Đinh Hồng Vân –Phòng kinh doanh

Theo: HĐ GTGT . số: 0000987....ngày 03 tháng 12 năm 2018 của: CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Nhập tại kho: Kho công ty

T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
1	Gạch 4040	G40	Hộp	845	845	58.500	10.100.000
2	Bồn nước Inox PPN 3000L	BN	Bộ	1.050	1.050	58.500	13.000.000
	Cộng tiền hàng						23.100.000

- **Tổng số tiền (bằng chữ):** Hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng.
- **Số chứng từ gốc kèm theo:** Hóa đơn GTGT 0000987, BB giao nhận hàng hóa

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Ngày 03 tháng 12 năm 2018
Kế toán trưởng **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Hà Tiến)

Biểu số 2.5: Trích Sổ Nhật kí chung.

Công ty TNHH Hà Tiên

Địa chỉ: Phố Mới, Vĩnh Tiến, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá

Mẫu số: S03a – DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT - BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			...			
03/12	HĐ987 PN741	03/12	Mua hàng hóa nhập kho	156	23.100.000	
				133	2.310.000	
				331		25.410.000
			...			
08/12	PT 918	08/12	Thu tiền bán hàng cho công ty TNHH Đại Thành	111	10.494.000	
				511		9.540.000
				333		954.000
			...			
11/12	PC937	11/12	Tạm ứng đi công tác	141	8.000.000	
				111		8.000.000
			...			
16/12	PC 943	16/12	Chi tiền tiếp khách ăn uống	642	4.530.000	
				133	453.000	
				111		4.983.000
			...			
20/12	BN997/ VC	20/12	Trả nợ cho người bán	331	208.230.000	
				112		208.230.000
			...			
23/12	BC1007 /VC	23/12	Thu tiền hàng	112	120.000.000	
				131		120.000.000
			...			
25/12	PC 959	25/12	Thanh toán chi phí tiếp khách	642	3.251.000	
				133	325.100	
				111		3.576.100
			...			
			Cộng số phát sinh		118.397.802.992	118.397.802.992

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Hà Tiên)

Biểu số 2.6: Trích Sổ cái TK 133.

Công ty TNHH Hà Tiên
Địa chỉ: Phố Mới, Vĩnh Tiến, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tên TK: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
Số hiệu: 133
Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu năm			0
			Số phát sinh			
			...			
03/12	HĐ987	03/12	Mua hàng nhập kho	331	2.310.000	
			...			
09/12	PC932	09/12	Chi mua văn phòng phẩm	642	125.000	
			...			
11/12	HĐ 1121	11/12	Mua hàng nhập kho	331	8.150.000	
			...			
16/12	PC 943	16/12	Chi tiền tiếp khách	642	453.000	
			...			
21/12	HĐ912	21/12	Mua hàng nhập kho	331	11.351.000	
			...			
27/12	HĐ881	27/12	Mua hàng nhập kho	331	6.559.000	
			...			
			Cộng số phát sinh		1.390.561.345	1.390.561.345
			Số dư cuối năm		0	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Hà Tiên)

Biểu số 2.6: Trích Sổ cái TK 156.

Công ty TNHH Hà Tiên
Địa chỉ: Phố Mới, Vĩnh Tiến, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tên TK: Hàng hóa
Số hiệu: 156
Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu năm		3.288.719.925	
			Số phát sinh			
			...			
03/12	PN741	03/12	Mua hàng nhập kho	331	23.100.000	
			...			
11/12	PX911	11/12	Xuất kho đem bán	632		61.541.240
			...			
11/12	PN762	11/12	Mua hàng nhập kho	331	81.500.000	
			...			
21/12	PN771	21/12	Mua hàng nhập kho	331	113.510.000	
			...			
27/12	PN783	27/12	Mua hàng nhập kho	331	65.590.000	
			...			
28/12	PX971	28/12	Xuất kho đem bán	632		112.451.870
			...			
29/12	PX978	29/12	Xuất kho đem bán	632		91.556.441
			...			
			Cộng số phát sinh		13.666.721.320	13.063.782.030
			Số dư cuối năm		3.891.659.215	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Hà Tiên)

Biểu số 2.6: Trích Sổ cái TK 331.

Công ty TNHH Hà Tiên
Địa chỉ: Phố Mới, Vĩnh Tiên, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu năm			1.415.879.473
			Số phát sinh			
			...			
03/12	HĐ987 PN741	03/12	Mua hàng nhập kho	156 133		23.100.000 2.310.000
			...			
11/12	HĐ 1121 PN762	11/12	Mua hàng nhập kho	156 133		81.500.000 8.150.000
			...			
21/12	HĐ 912 PN771	21/12	Mua hàng nhập kho	156 133		113.510.000 11.351.000
			...			
27/12	HĐ 881 PN783	27/12	Mua hàng nhập kho	156 133		65.590.000 6.559.000
			...			
28/12	HĐ 901 PN 785	28/12	Mua hàng nhập kho	156 133		70.500.000 7.050.000
			...			
			Cộng số phát sinh		13.136.836.785	13.393.072.805
			Số dư cuối năm			1.672.115.493

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Hà Tiên)

2.2.2.2. *Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán.*

Sau bước kiểm tra tính có thật của các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán, kế toán tiến hành khóa sổ kế toán. Khóa sổ kế toán ở đây tức là cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có trong kỳ của các tài khoản kế toán, đồng thời tính ra số dư cuối kỳ của các tài khoản có số dư cuối kỳ. Số liệu sẽ được đối chiếu giữa số dư, số cộng phát sinh trên sổ cái với số cộng trên Bảng tổng hợp chi tiết. Trong trường hợp Công ty không lập Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản do chỉ phát sinh một đối tượng chi tiết thì có thể đối chiếu số liệu trực tiếp trên sổ cái với sổ chi tiết.

Ví dụ:

- Kế toán tiến hành khóa sổ cái tài khoản 156 và đối chiếu số liệu giữa số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ và số cộng phát sinh trên Sổ cái TK 156 (Biểu 2.8) với số cộng trên Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa (Biểu 2.9). Số liệu ở đây là khớp đúng.

- Kế toán tiến hành khóa sổ cái tài khoản 331. Do không có tính chất lưỡng tính trên Bảng tổng hợp phải trả người bán nên có thể đối chiếu số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ và số cộng phát sinh trên Sổ cái TK 331 (Biểu 2.10) với Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (Biểu 2.11).

Biểu số 2.8: Sổ cái TK 156.

Công ty TNHH Hà Tiến
Địa chỉ: Phố Mới, Vĩnh Tiến, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tên TK: Hàng hóa
Số hiệu: 156
Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu năm		3.288.719.925	
			Số phát sinh			
			...			
03/12	PN741	03/12	Mua hàng nhập kho	331	23.100.000	
			...			
11/12	PX911	11/12	Xuất kho đem bán	632		61.541.240
			...			
11/12	PN762	11/12	Mua hàng nhập kho	331	81.500.000	
			...			
21/12	PN771	21/12	Mua hàng nhập kho	331	113.510.000	
			...			
27/12	PN783	27/12	Mua hàng nhập kho	331	65.590.000	
			...			
28/12	PX971	28/12	Xuất kho đem bán	632		112.451.870
			...			
29/12	PX978	29/12	Xuất kho đem bán	632		91.556.441
			...			
			Cộng số phát sinh		13.666.721.320	13.063.782.030
			Số dư cuối năm		3.891.659.215	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Hà Tiến)

Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa.

Công ty TNHH Hà Tiên
Phố Mới, Vĩnh Tiên, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá

Mẫu số S07 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NHẬP - XUẤT - TỒN - KHO HÀNG HÓA

Năm 2018

Tên tài khoản: 156 - Hàng hóa

Đơn vị tính: đồng

T T	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Ống nhựa PVC D200-C2	m	80	9.800.000	2.220	271.950.000	2.140	260.010.000	160	21.740.000
...
7	Gạch 4040	hộp	50	5.099.950	1.490	151.978.500	1.465	149.453.500	75	7.624.950
8	Bồn nước Inox PPN 3000L	bộ	3	19.650.000	96	628.800.000	95	622.450.000	4	26.000.000
...
	Cộng			3.288.719.925		13.666.721.320		13.063.782.030		3.891.659.215

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.10 : Trích sổ cái tài khoản 331

Công ty TNHH Hà Tiên
Địa chỉ: Phố Mới, Vĩnh Tiên, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỐ CÁI
Tên TK: Phải trả người bán
Số hiệu: 331
Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu năm			1.415.879.473
			Số phát sinh			
			...			
03/12	HĐ987 PN741	03/12	Mua hàng nhập kho	156 133		23.100.000 2.310.000
			...			
11/12	HĐ 1121 PN762	11/12	Mua hàng nhập kho	156 133		81.500.000 8.150.000
			...			
21/12	HĐ 912 PN771	21/12	Mua hàng nhập kho	156 133		113.510.000 11.351.000
			...			
27/12	HĐ 881 PN783	27/12	Mua hàng nhập kho	156 133		65.590.000 6.559.000
			...			
28/12	HĐ 901 PN 785	28/12	Mua hàng nhập kho	156 133		70.500.000 7.050.000
			...			
			Cộng số phát sinh		13.136.836.785	13.393.072.805
			Số dư cuối năm			1.672.115.493

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Hà Tiên)

Biểu số 2.11: Bảng tổng hợp phải trả người bán

Công ty TNHH Hà Tiên
Phố Mới, Vĩnh Tiên, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	...						
04	Công ty thương mại Thăng Long	-		315.700.650	315.700.650	-	
	...						
06	Công ty cổ phần Việt Đức		255.470.570	1.518.228.700	1.727.773.700		465.015.570
	...						
10	Công ty xây dựng Bảo Thành		47.370.450	1.228.870.000	1.289.013.200		107.513.650
	...						
	Cộng		1.415.879.473	13.136.836.785	13.393.072.805		1.672.115.493

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

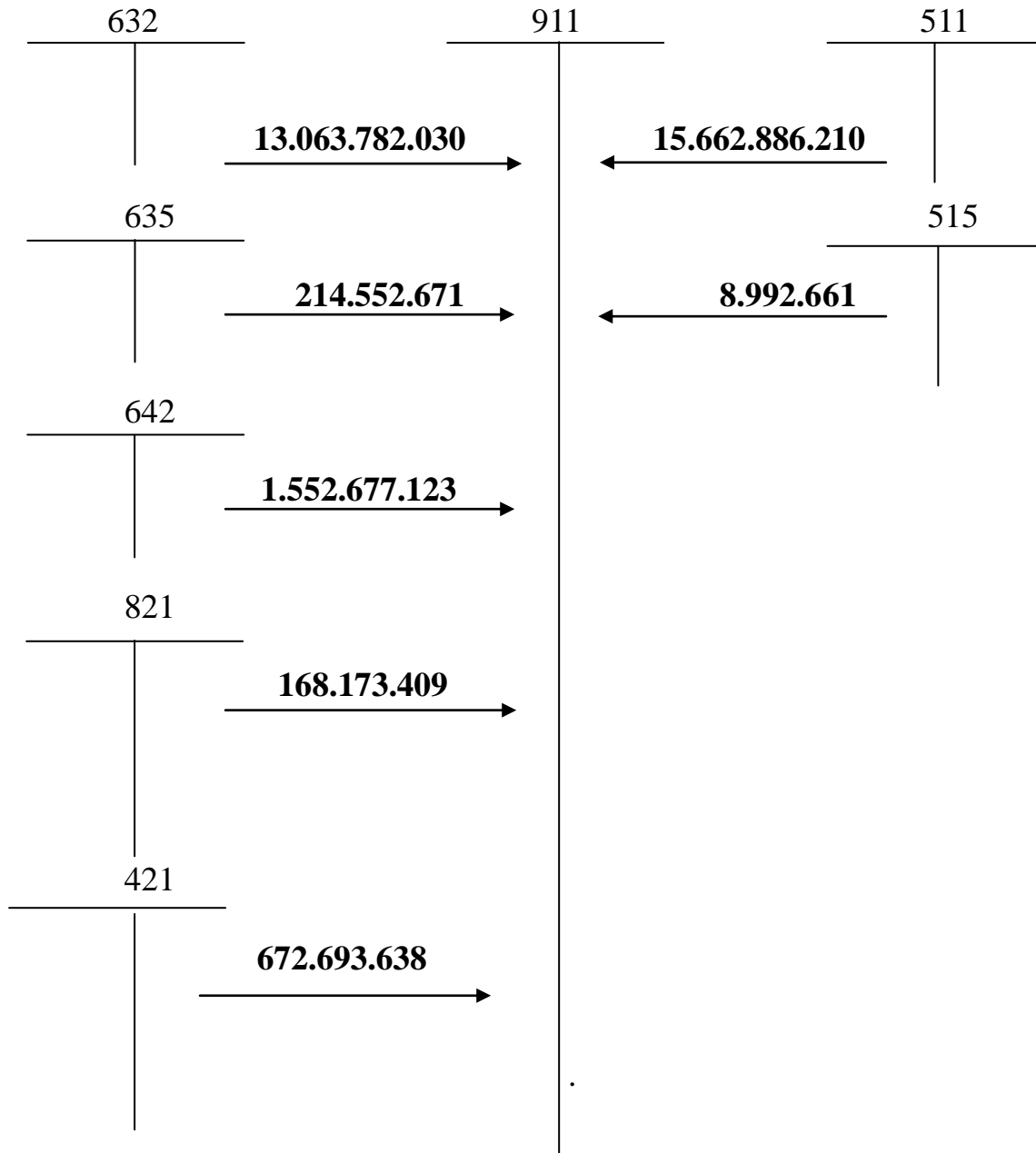
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Hà Tiên)

2.2.2.3. Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán

Tiếp theo, công ty tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh. Số liệu được tổng hợp qua sơ đồ 2.4 sau:



Sơ đồ 2.4 Sơ đồ xác định doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

2.2.2.4. Lập Bảng cân đối tài khoản tại Công ty TNHH Hà Tiên

Bảng cân đối tài khoản là phương pháp kỹ thuật dùng để kiểm tra một cách tổng quát số liệu kế toán đã ghi trên các tài khoản tổng hợp.

Bảng cân đối tài khoản được xây dựng trên 2 cơ sở:

- Tổng số dư bên Nợ đầu năm và cuối năm của tất cả các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng số dư bên Có đầu năm và cuối năm của tất cả các tài khoản tổng hợp.

- Tổng số phát sinh bên Nợ của các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng số phát sinh bên Có của các tài khoản tổng hợp.

- Cột số thứ tự: Dùng để đánh số theo tuần tự cho các tài khoản đã sử dụng trong kỳ từ tài khoản thứ nhất cho tới hết.

- Cột số hiệu tài khoản: Dùng để ghi số hiệu của các tài khoản từ loại 1 đến loại 9. Mỗi tài khoản ghi trên một dòng, ghi từ tài khoản có số hiệu nhỏ đến tài khoản có số hiệu lớn, không phân biệt tài khoản có còn số dư cuối kỳ hay không hoặc trong kỳ có số phát sinh hay không.

- Cột tên tài khoản: Dùng để ghi tên của các tài khoản từ loại 1 đến loại 9. Mỗi tài khoản ghi trên một dòng tương ứng với số hiệu tài khoản.

- Cột số dư đầu kỳ: Số liệu ghi số dư đầu kỳ của các tài khoản được lấy từ các sổ cái tương ứng. Nếu số dư bên Nợ ghi vào cột Nợ, số dư bên Có ghi vào cột Có.

- Cột số phát sinh trong kỳ: Số cộng phát sinh trên các sổ cái được sử dụng để ghi vào tổng số phát sinh trong kỳ của các tài khoản tương ứng, tổng số phát sinh Nợ ghi vào cột Nợ, tổng số phát sinh Có ghi vào cột Có.

- Cột số dư cuối kỳ: Số liệu ghi số dư cuối kỳ của các tài khoản được lấy từ các sổ cái tương ứng. Số dư bên Nợ ghi vào cột Nợ, số dư bên Có ghi vào cột Có.

- Cuối cùng, tính ra tổng của tất cả các cột để so sánh giữa bên Nợ và bên Có của từng cột: Số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ có bằng nhau từng cặp một hay không.

Ví dụ: Cách lập chỉ tiêu Hàng hóa – TK 156 trên Bảng cân đối tài khoản của Công ty vào năm 2018.

- Cột “Số hiệu tài khoản” là: 156
- Cột “Tên tài khoản” là: Hàng hóa
- Cột “Số dư đầu năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư Nợ đầu năm trên Sổ cái TK 156, số tiền là: **3.288.719.925** đồng.
- Cột “Số phát sinh trong năm”: Số tiền ghi vào cột Nợ căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Nợ trên Sổ cái TK 156, số tiền là: **13.666.721.320** đồng. Số liệu ghi vào cột Có căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Có trên Sổ cái TK 156, số tiền là: **13.063.782.030** đồng.
- Cột “Số dư cuối năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư bên Nợ trên Sổ cái TK 156, số tiền **3.891.659.215** đồng.

Các chỉ tiêu khác trên Bảng cân đối tài khoản được lập tương tự.

Cộng số phát sinh trên Bảng cân đối tài khoản bằng số cộng trên sổ Nhật ký chung, số tiền: **118.397.802.992** đồng.

Biểu 2.12. Trích Bảng cân đối tài khoản

Công ty TNHH Hà Tiên
Phố Mới , Vĩnh Tiên, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá

Mẫu số F01 – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN
Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TT	SH TK	Tên tài khoản	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ cuối năm	Dư có cuối năm
1	111	Tiền mặt	456.513.512		10.366.773.991	10.566.288.323	256.999.180	
2	112	Tiền gửi ngân hàng	766.299.661		14.965.288.399	15.002.903.872	728.684.188	
3	131	Phải thu khách hàng	2.499.287.110		13.993.002.773	13.587.882.676	2.904.407.207	
4	133	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	0		1.390.561.345	1.390.561.345	0	
5	156	Hàng hóa	3.288.719.925		13.666.721.320	13.063.782.030	3.891.659.215	
6	211	Nguyên giá TSCĐ	1.678.606.218				1.678.606.218	
7	214	Hao mòn lũy kế		1.156.500.992		187.548.325		1.344.049.317
8	242	Chi phí trả trước dài hạn	145.135.820		236.352.000	274.566.552	106.921.268	
9	331	Phải trả cho người bán		1.415.879.473	13.136.836.785	13.393.072.805		1.672.115.493
10	333	Thuế và các khoản phải nộp NN		135.486.512	1.686.838.527	1.737.462.030		186.110.015
11	334	Phải trả người lao động		105.783.254	1.169.872.140	1.205.432.910		141.344.024
12	338	Các khoản phải trả phải nộp khác		256.188.390	352.889.112	472.665.511		375.964.789

TT	TK	Tên tài khoản	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ cuối năm	Dư có cuối năm
13	341	Vay và nợ thuê tài chính		1.475.000.000	800.000.000	500.000.000		1.175.000.000
14	411	Nguồn vốn kinh doanh		4.000.000.000				4.000.000.000
15	421	Lãi chưa phân phối		289.723.625	289.723.625	672.693.638		672.693.638
16	511	Doanh thu bán hàng			15.662.886.210	15.662.886.210		
17	515	Doanh thu hoạt động tài chính			8.992.661	8.992.661		
18	632	Giá vốn hàng bán			13.063.782.030	13.063.782.030		
19	635	Chi phí hoạt động tài chính			214.552.671	214.552.671		
20	642	Chi phí quản lý kinh doanh			1.552.677.123	1.552.677.123		
21	821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			168.173.409	168.173.409		
22	911	Xác định kết quả kinh doanh			15.671.878.871	15.671.878.871		
		Tổng cộng	8.834.562.246	8.834.562.246	118.397.802.992	118.397.802.992	9.567.277.276	9.567.277.276

Hải phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Hà Tiến)

2.2.2.5: *Lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiên.*

Cột số đầu năm: Số liệu được lấy từ số liệu cuối năm trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty TNHH Hà Tiên năm 2018.

Cột số cuối năm: Kế toán căn cứ vào các Sổ Cái, Bảng tổng hợp chi tiết Tài khoản và Bảng cân đối tài khoản năm 2018 của Công ty TNHH Hà Tiên để lập các chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính .

Cụ thể về cách lập các chỉ tiêu cuối năm:

PHẦN TÀI SẢN

+ *Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)*

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 111, 112 trên Bảng cân đối tài khoản, tổng số tiền: **985.683.368** đồng

+ *Phải thu của khách hàng (Mã số 131)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải thu của khách hàng tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 131 mở theo từng khách hàng trên Bảng tổng hợp phải thu khách hàng hoặc số dư bên Nợ trên TK 131 trong bảng Cân đối tài khoản (do cuối kỳ TK 131 trên các chi tiết không có số dư bên Có), số tiền: **2.904.407.207** đồng.

+ *Hàng tồn kho (Mã số 141)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của các TK 156 trên Bảng cân đối tài khoản, số tiền: **3.891.659.215** đồng.

+ *Nguyên giá (Mã số 151)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ nguyên giá các loại tài sản cố định tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 211 trên Bảng cân đối tài khoản, số tiền: **1.678.606.218** đồng

+ *Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 152)*

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ giá trị đã hao mòn của các loại tài sản cố định lũy kế tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK

2141, 2143 trên Bảng cân đối tài khoản và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...), số tiền: **1.344.049.317** đồng.

+ *Tài sản khác (Mã số 182)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị các tài sản khác tại thời điểm báo cáo, như: Chi phí trả trước, thuê và các khoản khác nộp thừa cho Nhà nước. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ chi tiết các TK 242 trên Bảng cân đối tài khoản, số tiền: **106.921.268** đồng.

- *Tổng cộng tài sản (Mã số 200)*

Mã số 200 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150 + Mã số 160 + Mã số 170 + Mã số 180, số tiền: **8.223.227.959** đồng.

PHÂN NGUỒN VỐN:

I. Nợ phải trả (Mã số 300)

+ *Phải trả người bán (Mã số 311)*

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải trả cho người bán tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 331 mở cho từng người bán trên Bảng tổng hợp phải người bán hoặc số dư bên Có trên TK 331 trong bảng Cân đối tài khoản (do cuối kỳ TK 331 trên các chi tiết không có số dư bên nợ), số tiền: **1.672.115.493** đồng.

+ *Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 313)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh nghiệp còn phải trả nộp nhà nước tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có trên TK 333 trong Bảng cân đối tài khoản, số tiền: **186.110.015** đồng.

+ *Phải trả người lao động (Mã số 314)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh nghiệp còn phải trả cho người lao động tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có của TK 334 trong bảng Cân đối tài khoản, số tiền: **141.344.024** đồng.

+ *Phải trả khác (Mã số 315)*

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có của TK 338 trong bảng Cân

đối tài khoản, số tiền: **375.964.789** đồng.

+ *Vay và nợ thuê tài chính (Mã số 316)*

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có của TK 341 trong bảng Cân đối tài khoản, số tiền: **1.175.000.000** đồng.

II. *Vốn chủ ở hữu (mã số 400)*

+ *Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411)*

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số vốn đã thực góp của các chủ sở hữu vào doanh nghiệp (đối với công ty cổ phần phản ánh vốn góp của các cổ đông theo mệnh giá cổ phiếu) tại thời điểm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 411 trong bảng Cân đối tài khoản, số tiền: **4.000.000.000** đồng.

+ *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 517)*

Chỉ tiêu này phản ánh số lãi (hoặc lỗ) sau thuế chưa phân phối tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 421 trong bảng Cân đối tài khoản, số tiền: **672.693.638** đồng.

Chỉ tiêu “Tổng cộng Tài sản Mã số 200” = Chỉ tiêu “Tổng cộng Nguồn vốn Mã số 500” = **8.223.227.959** đồng

Sau đây là Báo cáo tình hình tài chính lập tại thời điểm 31/12/2108 của Công ty TNHH Hà Tiến:

Biểu 2.13. Báo cáo tình hình tài chính của Công ty năm 2018

Công ty TNHH Hà Tiên
 Phố Mới, Vĩnh Tiên, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá

Mẫu số B01a – DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày
 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		985.683.368	1.222.813.173
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124			
III. Các khoản phải thu	130		2.904.407.207	2.499.287.110
1. Phải thu của khách hàng	131		2.904.407.207	2.499.287.110
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
4. Phải thu khác	134			
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135			
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136			
IV. Hàng tồn kho	140		3.891.659.215	3.288.719.925
1. Hàng tồn kho	141		3.891.659.215	3.288.719.925
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản cố định	150		334.556.901	522.105.226
1 Nguyên giá	211		1.678.606.218	1.678.606.218
2 Giá trị hao mòn lũy kế (*)	212		(1.344.049.317)	(1.156.500.992)
VI. Bất động sản đầu tư	160			
- Nguyên giá	221			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222			
VII. XDCB dở dang	170			
VIII. Tài sản khác	180		106.921.268	145.135.820
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181			
2. Tài sản khác	182		106.921.268	145.135.820
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	200		8.223.227.959	7.678.061.254

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Nợ phải trả	300		3.550.534.321	3.388.337.629
1. Phải trả người bán	311		1.672.115.493	1.415.879.473
2. Người mua trả tiền trước	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		186.110.015	135.486.512
4. Phải trả người lao động	314		141.344.024	105.783.254
5. Phải trả khác	315		375.964.789	256.188.390
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		1.175.000.000	1.475.000.000
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			
8. Dự phòng phải trả	318			
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319			
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
II. Vốn chủ sở hữu	400		4.672.693.638	4.289.723.625
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000	4.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		672.693.638	289.723.625
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500		8.223.227.959	7.678.061.254

Hải phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Hà Tiến)

2.2.2.6: Kiểm tra, ký duyệt

Sau khi lập xong Báo cáo tình hình tài chính, kế toán trưởng kiểm tra lại một lần nữa các chỉ tiêu, sau đó ký để chịu trách nhiệm về số liệu làm ra. Cuối cùng, Báo cáo tình hình tài chính và các báo cáo tài chính khác sẽ được kế toán trưởng trình lên Giám đốc xem xét và ký duyệt. Như vậy, công tác lập Báo cáo tình hình tài chính của Công ty TNHH Hà Tiên được hoàn thành.

2.3 Thực trạng công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiên.

Phân tích Báo cáo tình hình tài chính là một trong những căn cứ quan trọng để các nhà quản trị Công ty có thể đưa ra những đánh giá toàn diện và sát thực về tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty.

Công ty TNHH Hà Tiên là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, số nhân viên kế toán ít nên trong những năm qua việc phân tích Báo cáo tình hình tài chính không được thực hiện.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH HÀ TIỀN

3.1. Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng tại Công ty TNHH Hà Tiên.

3.1.1. Ưu điểm:

- Về tổ chức bộ máy quản lý :

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ thống nhất từ trên xuống dưới, Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng và hạch toán phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế thị trường. Ngoài chức năng nhiệm vụ của mình các phòng ban còn giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Về bộ máy kế toán:

Phòng kế toán của công ty có 3 người trong đó có 1 kế toán trưởng cùng 1 kế toán viên và 1 thủ quỹ kiêm thủ kho. Kế toán trưởng là người có kinh nghiệm, năng lực và trình độ trong lĩnh vực kế toán. Các nhân viên đều là người có chuyên môn và được phân công đúng trách nhiệm và năng lực của mình. Công ty lựa chọn loại hình tổ chức kế toán tập trung phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được hạch toán nhanh chóng và chính xác.

Với mô hình kế toán này, việc hạch toán đảm bảo tập trung thống nhất và chặt chẽ giúp cho việc kiểm tra chỉ đạo kịp thời.

- Về hệ thống sổ sách kế toán:

Công ty đã áp dụng hình thức “ Nhật ký chung “ – hình thức đơn giản, dễ làm. Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán tương đối đầy đủ theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, đảm bảo hoạt động của Công ty và tạo được mối quan hệ mật thiết với các bộ phận trong toàn hệ thống kế toán tại Công ty. Việc tổ chức luân chuyển chứng từ ở phòng kế toán đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán kế toán được

nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

- Công ty đã lập Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

- Trước khi tiến hành lập bảng Báo cáo tình hình tài chính, kế toán đã tiến hành kiểm tra lại chứng từ, số liệu trên các sổ kế toán đảm bảo tính chính xác về nội dung và số liệu của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Công tác kiểm tra tính chính xác, trung thực của các nghiệp vụ kinh tế được tiến hành thường xuyên liên tục là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho công tác lập Báo cáo tình hình tài chính của công ty được nhanh chóng, chính xác và phản ánh đúng tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong kỳ kế toán.

- Việc lập Báo cáo tình hình tài chính được lên kế hoạch cụ thể, chia thành các bước rõ ràng. Trước khi lập Báo cáo tình hình tài chính, kế toán tổng hợp đã tiến hành kiểm tra các chứng từ sổ sách đảm bảo tính chính xác về số liệu, nội dung. Sự kiểm tra chính xác, trung thực đã giúp cho công tác lập Báo cáo tình hình tài chính của công ty được nhanh chóng, chính xác và phản ánh đúng tình hình tài chính của công ty trong kỳ kế toán.

3.1.2. Nhược điểm:

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu trên, công tác kế toán tại Công ty TNHH Hà Tiến còn mắc phải những mặt hạn chế:

+ *Về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính.*

- Phân tích Báo cáo tình hình tài chính là dùng các kỹ thuật phân tích để biết được mối quan hệ của các chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính, dùng số liệu để đánh giá tình hình tài chính, khả năng và tiềm lực của DN, giúp người sử dụng thông tin đưa ra các quyết định tài chính và quyết định quản lý phù hợp.

- Phân tích Báo cáo tình hình tài chính cung cấp thông tin về các nguồn vốn, tài sản, hiệu quả sử dụng vốn và tài sản hiện có giúp chủ DN tìm ra điểm mạnh và điểm yếu trong công tác tài chính để có những biện pháp thích hợp cho quá trình phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.

- Nắm rõ cơ cấu tài sản và nguồn hình thành tài sản.

- Cung cấp cho các nhà đầu tư, các chủ nợ và những người sử dụng khác để họ có thể quyết định về đầu tư, tín dụng hay các quyết định có liên quan đến Doanh nghiệp.

Tuy nhiên, Công ty chưa quan tâm đến việc phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng và Báo cáo tài chính nói chung. Như vậy, Công ty đã bỏ qua một công cụ đắc lực hỗ trợ, giúp đỡ cho công tác quản lý tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty một cách tốt nhất. Đồng thời nếu chỉ căn cứ vào các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính thì chưa thấy rõ được các khía cạnh của tình hình tài chính của Công ty như là sự biến động, tính cân đối của tài sản và nguồn vốn của Công ty. Vì vậy khiến cho người sử dụng thông tin khó nắm bắt được tình hình tài chính của Công ty và việc đề ra những biện pháp khắc phục những hạn chế của Công ty còn yếu, chưa mang lại hiệu quả cao.

+ *Ứng dụng tin học vào công tác kế toán.*

Hiện tại, công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Công ty làm kế toán thủ công và lập chương trình kế toán trên Excel để hỗ trợ làm việc chứ không dùng phần mềm kế toán chuyên dụng nên việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn chậm và hay sai sót, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ, đôi khi đối chiếu còn dẫn đến nhầm lẫn.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiến.

Ý kiến thứ nhất: Hoàn thiện công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty.

Để nâng cao hiệu quả cho công tác phân tích, Ban lãnh đạo và phòng kế toán công ty nên lập kế hoạch phân tích cụ thể. Theo em, ta có thể tiến hành phân tích theo trình tự như sau:

Bước 1 : Lập kế hoạch phân tích

+ Chỉ rõ nội dung cần phân tích: Nội dung phân tích có thể bao gồm:

- Phân tích mức độ biến động và cơ cấu biến động của tài sản và nguồn vốn trong

đơn vị.

- Phân tích khả năng tự chủ về vấn đề tài chính của Công ty.
- Phân tích tình hình tài chính của Công ty thông qua các tỷ số tài chính cơ bản.
- + Lựa chọn phương pháp phân tích: Để phục vụ cho công tác Phân tích ta có thể sử dụng các phương pháp như: phương pháp so sánh, phương pháp cân đối và phương pháp tỷ lệ.

Bước 2: Thực hiện quá trình phân tích

- + Xác định nguồn tài liệu phục vụ cho công tác phân tích:

Ta sử dụng nguồn tài liệu hạch toán Như Báo cáo tình hình tài chính của hai năm gần nhất với năm cần phân tích, số liệu của các doanh nghiệp cùng ngành, những thông tin kinh tế trong và ngoài nước (đã được kiểm tra tính xác thực) để phục vụ cho nội dung cần phân tích....

- + Chính lý, xử lý số liệu, tính toán các chỉ tiêu và tiến hành phân tích:

Do tài liệu được sưu tầm từ nhiều nguồn khác nhau vì vậy trước khi tính toán các chỉ tiêu và đánh giá tình hình phải đối chiếu, kiểm tra tính trung thực, hợp lý các số liệu đưa vào tính toán, lựa chọn phương pháp phân tích thích hợp để đảm bảo đánh giá được tình hình, xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố và cung cấp thông tin cần thiết phục vụ yêu cầu quản lý.

Trên cơ sở mục tiêu và nguồn số liệu, bộ phận phân tích cần xây dựng một hệ thống các chỉ tiêu phân tích. Tuy nhiên, hệ thống này không nên quá nhiều nhằm giảm bớt thời gian tính toán, việc phân tích cần phân tích đi vào chiều sâu, các chỉ tiêu cần bám sát mục tiêu cần phân tích. Đặc biệt chú trọng những chỉ tiêu có sự biến đổi lớn (mang tính bất thường) và những chỉ tiêu quan trọng, phải bám sát thực tế Công ty và các chỉ tiêu phân tích có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm tránh việc kết luận một cách phiến diện thiếu chính xác.

Đây là khâu quan trọng nhất, quyết định chất lượng của công tác phân tích.

Bước 3 : Lập báo cáo phân tích (kết thúc quá trình phân tích):

Báo cáo phân tích phải bao gồm:

+ Đánh giá được ưu điểm, khuyết điểm chủ yếu trong công tác quản lý tài sản, nguồn vốn của Công ty.

+ Chỉ ra được những nguyên nhân cơ bản đã tác động tích cực, tiêu cực đến kết việc phân bổ tài sản, nguồn vốn của đơn vị.

+ Nêu được các biện pháp cụ thể để cải tiến công tác đã qua động viên khai thác khả năng tiềm tàng trong kỳ tới.

Với việc tổ chức công tác phân tích này, nội dung phân tích tình hình tài chính thông qua Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sẽ được phân tích kỹ hơn, sâu hơn, và đánh giá được toàn diện hơn về tài chính của Công ty. Vận dụng vào thực trạng công tác hạch toán kế toán của Công ty TNHH Hà Tiến và đề công tác phân tích tình hình tài chính thông qua Báo cáo tình hình tài chính được tốt, ta nên thực hiện các nội dung phân tích cụ thể sau đây:

❖ ***Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản***

Phân tích tình hình biến động tăng giảm và cơ cấu tài sản là thực hiện việc so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản giữa cuối năm so với đầu năm. Đồng thời còn phải xem xét tỷ trọng từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được cơ cấu tài sản của doanh nghiệp là hợp lý hay chưa từ đó đưa ra các giải pháp về vốn cũng như cơ cấu vốn thời gian tới phù hợp. Biểu số liệu 3.1 dưới đây sẽ đi vào phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản tại Công ty TNHH Hà Tiến.

Biểu số 3.1: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản của Công ty TNHH Hà Tiến

BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TÀI SẢN

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	31/12/2017		31/12/2018		Chênh lệch		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Số tương đối	Tỷ trọng
I. Tiền và các khoản trong đương tiền	1.222.813.173	15.9%	985.683.368	12.0%	-237.129.805	-19.4%	-3.9%
III. Các khoản phải thu	2.499.287.110	32.6%	2.904.407.207	35.3%	405.120.097	16.2%	2.8%
IV. Hàng tồn kho	3.288.719.925	42.8%	3.891.659.215	47.3%	602.939.290	18.3%	4.5%
V. Tài sản cố định	522.105.226	6.8%	334.556.901	4.1%	-187.548.325	-35.9%	-2.7%
VIII. Tài sản khác	145.135.820	1.9%	106.921.268	1.3%	-38.214.552	-26.3%	-0.6%
Tổng tài sản	7.678.061.254	100.0%	8.223.227.959	100.0%	545.166.705	7.1%	

(Theo số liệu được tổng hợp từ Công ty TNHH Hà Tiến)

Qua số liệu trên ta thấy tổng tài sản của cuối năm 2018 so với cuối năm 2017 đã tăng lên 545.166.705 đồng, tương ứng tăng 7,1 %. Như vậy có thể nhận thấy Công ty đã quan tâm tới việc mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên ta cần xem xét đến các khoản mục cụ thể trong tổng tài sản để thấy được sự tác động của chúng ảnh hưởng như thế nào đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

+ Tiền và các khoản tương đương tiền: Nhận thấy, chỉ tiêu này cuối năm 2018 so với cuối năm 2017 giảm 237.129.805 đồng, tương đương với giảm 19,4%. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã gặp phải khó khăn nhất định khi tiền giảm, làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Xét về cơ cấu của tiền, thì cuối năm 2018 chiếm 15,9% cuối năm 2017 chiếm 12,0% trong tổng tài sản của Công ty, giảm 3,9%. Cơ cấu này là hợp lý đối với doanh nghiệp bởi doanh nghiệp cũng cần một lượng tiền nhất định phục vụ cho mục đích thanh toán.

+ Các khoản phải thu: Các khoản phải thu cuối năm 2017 là 2.499.287.110 đồng, chiếm 32,6% trong tổng tài sản, cuối năm 2018 khoản nợ phải thu là 2.904.407.207 đồng chiếm 35,3%, tăng 405.120.097 đồng, tương đương tăng 16,2%, tỷ trọng tăng 2,8%. Các khoản nợ phải thu trong 2 năm đều chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng tài sản và năm sau lại cao hơn năm trước điều này cho thấy công ty đã không làm tốt công tác thu hồi nợ dẫn đến vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng. Trong thời gian tới doanh nghiệp cần:

- Có những biện pháp để thu hồi vốn nhanh như áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng trả nợ sớm.

- Thường xuyên đối chiếu công nợ để chốt số dư nợ với khách hàng từ đó có cơ sở để đôn đốc thu hồi nợ.

- Trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn.

- Xóa sổ những khoản nợ được xác định là không đòi được để số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính phản ánh đúng tình hình thực tế nợ phải thu tại đơn vị.

+ Hàng tồn kho cuối năm 2017 là 3.288.719.925 đồng đến cuối năm 2018 tăng lên là 3.891.659.215 đồng, tương đương tăng 18,3% và cơ cấu hàng tồn kho năm

2018 so với năm 2017 cũng tăng 4,5%. Hàng hóa tồn kho tăng thể hiện công tác tiêu thụ hàng hóa của công ty gặp khó khăn, hàng hóa mua về tồn kho sẽ làm tăng chi phí lưu kho lưu bãi do vậy công ty cần có chính sách bán hàng hợp lý để tăng khối lượng hàng bán ra, giảm chi phí lưu kho; các giải pháp cụ thể:

- Áp dụng phương thức thanh toán linh hoạt cho từng đối tượng khách hàng.
- Áp dụng các phương thức bán hàng phù hợp.

+ Tài sản cố định: Qua bảng cơ cấu tài sản, tài sản cố định của công ty năm 2018 so với năm 2017 giảm 187.548.325 đồng. Giá trị tài sản cố định giảm là do chi phí khấu hao doanh nghiệp trích trong năm 2018. Doanh nghiệp không mua thêm tài sản cố định trong năm 2018. Điều này là hợp lý vì Công ty là một doanh nghiệp thương mại nên việc không chú trọng đầu tư vào TSCĐ là điều dễ hiểu.

+ Tài sản khác của công ty chiếm tỷ trọng đối nhỏ, đầu năm là 1,9%, cuối năm là 1,3%, đây là khoản chi phí về công cụ dụng cụ của công ty cần phân bổ tiếp trong các kỳ tiếp theo. Cơ cấu này là hợp lý đối với Công ty.

❖ Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn

Phân tích cơ cấu và tình hình biến động của từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Đồng thời qua phân tích cơ cấu nguồn vốn, sẽ giúp cho chúng ta nắm được cơ cấu nguồn vốn huy động, biết được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các nhà cho vay, nhà cung ứng, người lao động, ngân sách,... về số tài sản tài trợ bằng nguồn vốn của họ. Sau đây là bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn của Công ty TNHH Hà Tiến.

Biểu số 3.2: Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn của Công ty TNHH Hà Tiên.

BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	31/12/2017		31/12/2018		Chênh lệch		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Số tương đối	Tỷ trọng
I. Nợ phải trả	3.388.337.629	44.1%	3.550.534.321	43.2%	162.196.692	4.8%	-1.0%
1. Phải trả người bán	1.415.879.473	41.8%	1.672.115.493	47.1%	256.236.020	18.1%	5.3%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	135.486.512	4.0%	186.110.015	5.2%	50.623.503	37.4%	1.2%
4. Phải trả người lao động	105.783.254	3.1%	141.344.024	4.0%	35.560.770	33.6%	0.9%
5. Phải trả khác	256.188.390	7.6%	375.964.789	10.6%	119.776.399	46.8%	3.0%
6. Vay và nợ thuê tài chính	1.475.000.000	43.5%	1.175.000.000	33.1%	-300.000.000	-20.3%	-10.4%
II. Vốn chủ sở hữu	4.289.723.625	55.9%	4.672.693.638	56.8%	382.970.013	8.9%	1.0%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	4.000.000.000	93.2%	4.000.000.000	85.6%	0	0.0%	-7.6%
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	289.723.625	6.8%	672.693.638	14.4%	382.970.013	132.2%	7.6%
Tổng nguồn vốn	7.678.061.254	100%	8.223.227.959	100%	545.166.705	7.1%	

(Theo số liệu được tổng hợp từ Công ty TNHH Hà Tiên)

Qua bảng phân tích tình hình biến động vốn và cơ cấu vốn của Công ty TNHH Hà Tiên, cho ta thấy:

+ *Nợ phải trả:*

Nợ phải trả cuối năm 2018 so với năm 2017 tăng 162.196.692 đồng, tương đương tăng 4,8%. Tuy nhiên, xét về cơ cấu cuối năm 2018 chiếm 43,2%, cuối năm 2017 chiếm 44,1%. Như vậy, xét về cơ cấu thì nợ phải trả chiếm tỷ trọng nhỏ hơn nguồn vốn chủ sở hữu qua các năm và cơ cấu này là hợp lý đối với doanh nghiệp vì tỷ lệ nợ phải trả nhỏ hơn nguồn vốn chủ sở hữu sẽ làm tăng khả năng tự chủ về tài chính cho Công ty. Tuy nhiên ta cần xem xét đến các khoản mục cụ thể trong tổng nợ phải trả để thấy được sự tác động của chúng ảnh hưởng như thế nào đến tình hình tài chính của doanh nghiệp:

- Nợ phải trả người bán chiếm tỷ trọng cao trong tổng nợ phải trả của doanh nghiệp; cụ thể: cuối năm 2017 là 41,8% trong tổng nợ sang đến cuối năm 2018 là 47,1% trong tổng nợ phải trả, tăng 5,3%; Xét về số tuyệt đối, nợ phải người bán trả tăng 256.236.020 đồng, tương đương tăng 18.1%. Như vậy, cả số tuyệt đối và số tương đối cho thấy quan hệ thanh toán của Công ty và nhà cung cấp chưa tốt, công ty chiếm dụng vốn của họ tương đối lớn vì vậy trong thời gian tới công ty cần có phương án trả nợ kịp thời.

- Đối với khoản thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, xét về tỷ trọng thì chiếm tỷ lệ tương đối nhỏ trong nợ phải trả nhưng xét về số tuyệt đối thì khoản này cuối năm so với đầu năm tăng 50.623.503 đồng, tương đương 37.4 %. Khoản thuế tăng lên là hợp lý bởi thời điểm báo cáo được lập là khi doanh nghiệp chưa nộp một phần thuế thu nhập doanh nghiệp (khoản nợ này chưa quá hạn) nên làm cho chỉ tiêu này tăng lên.

- Đối với khoản phải trả người lao động tại thời điểm đầu năm và cuối năm là số tiền lương tháng 12 doanh nghiệp chưa trả cho người lao động và khoản nợ này vẫn nằm trong phạm vi cho phép về thời gian.

- Đối với khoản phải trả khác chiếm tỷ trọng hợp lý trong nợ phải trả của Công ty.

- Đối với khoản Vay và nợ thuê tài chính: Cuối năm so với đầu năm khoản

này đã giảm 300.000.000 đồng, tương đương giảm 20.3%; tỷ trọng giảm 10.4% điều này cho thấy doanh nghiệp đã giảm được các khoản phải đi vay bên ngoài.

+Vốn chủ sở hữu

Xét về giá trị, vốn chủ sở hữu cuối năm 2018 tăng so với cuối năm 2017 là 382.970.013 đồng, tương đương tăng 8,9 (khoản tăng này là do lợi nhuận của doanh nghiệp đạt được trong năm 2018). Xét về cơ cấu, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp cuối năm 2018 chiếm 56,8%, cuối năm 2017 chiếm 55,9%, như vậy cuối năm 2018 đã tăng lên so với năm 2017 là 1,0%. Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lớn hơn nợ phải trả trong tổng nguồn vốn cho thấy doanh nghiệp có khả năng tự chủ về vấn đề tài chính, doanh nghiệp ít phải lệ thuộc nhiều vào bên ngoài. Bên cạnh đó, xét về xu hướng, thì cơ cấu vốn đang tiếp tục có xu hướng biến động theo chiều hướng tích cực hơn.

❖ Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Trong nền kinh tế thị trường, bất cứ doanh nghiệp nào cũng luôn coi trọng các quan hệ tín dụng. Bởi vì nó có thể giúp cho doanh nghiệp mở rộng được quy mô, đẩy nhanh quá trình sản xuất kinh doanh, làm cho quá trình kinh doanh diễn ra liên tục, giúp doanh nghiệp phát huy được thế mạnh. Muốn vậy các doanh nghiệp đòi hỏi phải có đủ năng lực tài chính đáp ứng các nghĩa vụ đối với các khoản vay tín dụng mà họ nhận được và đặc biệt là khả năng hoàn trả đúng hạn, các khoản vay tín dụng ngân hàng. Nếu doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán thì tình hình tài chính sẽ khả quan và ngược lại. Các đối tượng có liên quan đến doanh nghiệp như các nhà đầu tư, các nhà cung cấp, chủ nợ... luôn đặt ra câu hỏi “ Liệu doanh nghiệp đó có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn không”? Để đánh giá tình hình và khả năng thanh toán của Công ty, ta phân tích các hệ số về khả năng thanh toán như Biểu số 3.3 sau:

Biểu 3.3.

Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty TNHH Hà Tiên:

Chỉ tiêu	Công thức tính		Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch
Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	=	Tổng tài sản	lần	2.27	2.32	0.05
		Nợ phải trả				
Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	=	Tài sản ngắn hạn	lần	2.93	3.03	0.10
		Tổng nợ ngắn hạn				
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	=	Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho	lần	1.59	1.54	-0.05
		Tổng nợ ngắn hạn				
Hệ số vốn chủ sở hữu trên tài sản	=	Vốn chủ sở hữu	lần	0.56	0.57	0.01
		Tổng tài sản				

+ *Hệ số khả năng thanh toán tổng quát.*

Qua bảng số liệu ta thấy Hệ số thanh toán tổng quát của công ty đều lớn hơn 2, cụ thể: Hệ số thanh toán tổng quát năm 2017 là: 2,27 và năm 2018 là 2,32. Xét cả về mặt lý luận và thực tiễn, điều đó cho thấy công ty có thể sử dụng tài sản của mình để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn cũng như dài hạn. Đây là một dấu hiệu tốt cho doanh nghiệp.

Xét sự biến động năm 2018 so với năm 2017 thì ta thấy Hệ số thanh toán tổng quát đã tăng 0.05 lần. Đây là một dấu hiệu tốt đối với doanh nghiệp trong quan hệ thanh toán các khoản nợ nói chung.

+ *Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn.*

Hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty năm 2017 và năm 2018 cũng đều lớn hơn 2 (đặc biệt năm 2018 lớn hơn 2); cụ thể: năm 2017 là 2,93 và năm 2018 là 3,13 điều đó cho thấy trong các năm này Công ty đều có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn của mình. Hơn thế nữa, Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2018 đã tăng lên so với năm 2017 là 0,1 lần. Điều đó cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp ngày càng khả quan hơn.

+ *Hệ số khả năng thanh nhanh.*

Hệ số thanh toán nhanh của công ty năm 2017 và năm 2018 cũng đều lớn

hơn 1; cụ thể: năm 2017 là 1,59 và năm 2018 là 1,54 điều đó cho thấy trong các năm này Công ty đều có khả năng thanh toán nhanh bằng tài sản của mình. Tuy nhiên, Hệ số thanh toán nhanh năm 2018 đã giảm so với năm 2017 là 0,05 lần. Điều đó cho thấy khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp đã có xu hướng giảm đi.

+ *Hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản:*

Hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản năm 2017 là 0.56 và 2018 là: 0,57. Như vậy vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp đã chiếm trên 50% giá trị tổng tài sản của Công ty. Điều này đánh giá công ty có khả năng tự chủ về tài chính cao.

Ý kiến thứ hai: Ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán hiện nay

Tại Công ty, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, Công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Fast, Smart. Công ty cũng có thể đặt hàng với các công ty cung cấp phần mềm để họ viết phần mềm kế toán theo yêu cầu của công ty. Dưới đây là một số phần mềm công ty có thể tham khảo:

* **Phần mềm kế toán Fast Accounting:** <http://www.fast.com.vn>



Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 13.000 khách hàng. Fast Accounting với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất. Phần mềm này được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.

***Phần mềm kế toán MISA :** <http://www.misa.com.vn/>



MISA SME.NET 2018 là phần mềm luôn được cải tiến cho phù hợp với chế độ kế toán của các doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA SME.NET 2018 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

KẾT LUẬN

Sau quá trình thực tập tại Công ty TNHH Hà Tiễn được tiếp xúc, làm quen với thực tế công tác kế toán tại Công ty, cùng với những cơ sở lý thuyết đã học tập, nắm bắt được tại trường lớp, em càng khẳng định thêm việc tổ chức công tác kế toán nói chung, công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng có ý nghĩa to lớn và đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của mọi doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Như vậy, khóa luận với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiễn” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về lý luận vấn đề: Đã nêu và hệ thống được những vấn đề cơ bản về công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo TT số 133/2016/TT-BTC.

- Về thực tế: Đã phản ánh được thực trạng công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiễn và đã chứng minh bằng số liệu năm 2018 cho các lập luận đã nêu ra.

- Đối chiếu giữa lý luận và thực tế tại Công ty TNHH Hà Tiễn, khóa luận đưa ra những nhược điểm và đề xuất ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Hà Tiễn.

Do trình độ hiểu biết còn hạn chế và thời gian thực tập không dài nên trong Bài khoá luận này không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong sự góp ý và giúp đỡ của các thầy cô giáo để Bài khoá luận được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của thạc sỹ **Nguyễn Văn Thụ**, các thầy cô giáo trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo và các cán bộ kế toán tại phòng Kế toán của Công ty TNHH Hà Tiễn đã giúp em hoàn thành đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 10 tháng 10 năm 2019

Sinh viên

Ngô Tuấn Anh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 133/2016/TT (2016), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
4. Công ty TNHH Hà Tiên (2018) *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Các tài liệu khác trên mạng internet.